

TRIẾT LÝ AN VIỆT
KIM ĐỊNH



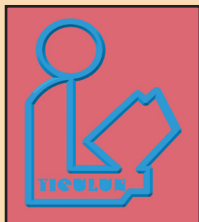
CẨM NANG TRIẾT VIỆT



AN VIỆT HOUSTON

CẨM NANG TRIẾT VIỆT

KIM ĐỊNH



NỘI DUNG

TỰA

A. VỀ CƠ CẤU AN VIỆT

I. LÝ DO TẠI SAO CÓ AN VIỆT, HAY LÀ XÂY DỰNG DÂN TỘC.

II. VIỆT LINH LÀ GÌ ?

III. VIỆT LINH LÀ PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT CÁC ĐOÀN HỘI

B. VỀ ĐẠO LÝ

IV. TÌM VỀ NGUỒN GỐC

V. TINH HOA VIỆT TRIẾT TRONG MỘT BIỂU HIỆU

VI. MINH TRIẾT TRONG TRỐNG ĐỒNG

VII. BẢNG XẾP LOẠI CÁC THỨ NƯỚC

VIII. NHỮNG LỜI TÂM NIỆM VÀ HUẤN TỪ ÂU CƠ TỔ MẪU

IX. NẾP SỐNG AN VUI

C. PHỤ TRƯỞNG 1 & 2

HUYỀN SỬ VIỆT NAM

PHỤ LỤC

GIÁO SƯ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH

KIM ĐỊNH : GIÁO SƯ, TRIẾT GIA, HỌC GIẢ,
NHÀ VĂN HÓA KHÔNG CÒN NỮA.

KIM ĐỊNH : HUYỀN SỬ, ẨN DỤ, NGỤ NGÔN,
CƠ SỞ

TỰA

Tập nhỏ này có là do lời anh em hiền sĩ muốn một bản tóm tắt đạo lý vào mấy bài văn tắt để ôn đi ôn lại cho dễ nhớ. Điều ấy tốt, miễn phải đọc các sách kia. Tập này có hai phần. Phần một gồm ba chương I, II, III, trình bày về An Việt với Việt linh : lý do cơ cấu.

Phần hai khởi từ chương IV nói về nguồn gốc nước ta theo phương pháp sâu xa và tân thời hơn hết là Cơ cấu luận và uyên tâm để biết đọc ra những mật mã chỉ đường dẫn tới kho tàng vô giá của tiền nhân giới lại. Chương V trình bày tinh hoa kho tàng đó trong một huy hiệu. Chương VI Minh triết Trống đồng. Cả hai chương này cần đọc kỹ để có ý niệm xác định về văn hóa nước nhà, giúp biết mình biết người đừng tránh lạc vào nẻo tà vạy. Chương VII bàn về vai trò lương tri trong Triết bằng cách xếp loại các nước trên dưới ra sao. Điều này rất cần cho công cuộc xây dựng một dân tộc mạnh như mình tâm niệm và như Huấn từ Âu Cơ tổ mẫu nhấn nhủ trong chương VIII. Chương IX nếp sống an vui : nói kiểu đơn giản để tóm lược triết lý trống đồng về mặt thực dụng như kết quả của mấy bài viết trên kia.

Phụ trương gồm ít bài tính ra trong một tập riêng, nhưng vì mất dịp nên cho vào đây, để nhận thức được rõ hơn tình trạng diệu vợi lúc ban đầu.

Khi xem bao trùm cả lịch sử nhân loại sẽ dễ nhận ra cái nguyên do căn bản gây nên sự giàu nghèo thịnh suy của một nước chính là triết. Hãy xem các nước cộng sản đều rất nghèo hèn là do nhận triết lý duy vật. Vì đã quyết định xây dựng một dân tộc an vui giàu mạnh, nên chúng ta lấy việc học triết của Tổ tiên làm bước khởi đầu, bởi đó là nền triết có nhiều bảo đảm hơn hết trong việc dẫn đưa dân tộc đến chốn yên vui thịnh đạt. Hãy đọc thấu đáo và sốt sắng hiện thực, hãy mời gọi thêm nhiều người cùng học cùng làm. Càng thêm đông bao nhiêu càng chóng đưa dân tộc đến gần đài vinh quang rực rỡ bấy nhiêu.

A. VỀ CƠ CẤU AN VIỆT

CHƯƠNG 1 : XÂY DỰNG DÂN TỘC

Ngày 30/4/1975 đánh dấu bước đường lưu vong của người Việt quốc gia. Ra đi đến chốn vô định mà lòng chan chứa tình xót thương quê hương đất nước, hầu hết đều có quyết tâm làm cho quê hương một cái gì. Và quả thật đã làm rất nhiều : nào ra báo, lập đoàn hội, nào các mặt trận... thế mà dân tộc cứ suy thoái, đến nỗi sau mười năm lưu lạc nói đến hội hè thì ai cũng ngán ngẩm thờ ơ.

Tại sao ban đầu lòng yêu nước thương nòi mạnh như vũ bão mà không giữ cho dân tộc khỏi tan rã ? Thiết nghĩ vì chưa có một hoạt động dành riêng cho dân tộc, nói rõ là chưa có một tổ chức nhằm kiến tạo lại dân tộc một cách có ý thức. Khi còn ở quê nhà thì mọi người đều là dân tộc, vì sống trong lòng đất nước nên mặc nhiên ai cũng kể là sống trong lòng dân tộc, không cần nhận thức cũng vẫn là dân tộc. Còn nay đã bước ra khỏi quê nước thì không còn đất đứng cho dân tộc. Muốn còn là dân tộc tất phải có tác động ý thức và chung cho tất cả để làm sợi dây ràng buộc với nhau, mới có thể là dân tộc. Thiếu sợi dây nhận thức đó thì dù tình cảm

dân tộc có mãnh liệt hơn khi ở quê nhà nhưng không có điểm tụ, không còn chính quyền để đưa ra những việc chung phải làm thì tất nhiên tình tự dân tộc phải loãng ra dần trước khi trầm diệt. Muốn cho dân tộc tồn tại thì cần phải kiến tạo lại cho dân tộc một địa vực mới bằng một ý thức mới. Vậy mà việc tích cực cho dân tộc đó chưa có.

Đây là lý do Việt linh ra đời nhằm đoàn tụ người Việt lại thành một khối. Mẫu số chung là Đạo làm người của dân tộc. Đó là điểm tụ cụ thể của hào khí anh linh, của hồn thiêng sông núi, đã được thu thập và hệ thống hóa thành Bộ Sách Dân Tộc gồm đủ 25 sách để trám vào bộ sách tổ tiên đã bị thất lạc tên là : « Tam phần. Ngũ điển. Bát sách. Cửu khâu ». Khóm Tam Phần sẽ bắt đầu ra từ cuối năm nay và cao điểm sẽ là mùa hè 1990 tại London, do An Việt Bắc Âu tổ chức (có thể đại hội toàn cầu bên đó chăng). Gọi là cao điểm vì sẽ dùng dịp này giới thiệu triết Việt với thế giới. Ban dịch thuật đang làm việc ráo riết để kịp thời. Tên sách là « Thái Bình Minh Triết I, II, III ». Gọi thế cho hợp nguồn gốc nước ta phát nguyên từ biển cả : quốc tổ là Tiên Rồng. Tiên biểu thị bằng chim biển là hải âu (Âu Cơ tổ mẫu). Còn rồng là Lạc Long Quân ở dưới thủy phủ. Vì quốc tổ phát xuất từ nước, nên tiên nhân gọi quê hương bằng những tên nước : non nước, sông núi, giang sơn... Tóm

lại là nước Việt nam nắm giữ mọi điển chương lớn của Thái Bình Minh Triết. Tất cả đều có nước trong.

Vậy là tạm xong phần hồn thiêng sông núi. Bây giờ còn phần Thổ Địa thì sao ? Ta sẽ giải quyết bằng quỹ mẹ. Quỹ Mẹ thay cho Quê Mẹ, nên quỹ phải gắn bó lấy từng Họ : y như làng gắn liền với nước sao thì các quỹ cũng phải gắn chặt với từng Bang từng Họ như vậy. Tiền Họ nào đóng ra thì quản lý lấy, nên lập được bao nhiêu Họ là có bấy nhiêu quỹ mẹ đi kèm, biến nơi ấy thành một mảnh giang sơn Việt ở rải rác trên khắp vũ hoàn, không ai phá nổi. Nhờ đó nó có tính cách linh thiêng và mọi thành viên phải úy nể và duy trì sự linh thiêng đó. Mỗi đồng tiền đã cho vào quỹ mẹ thì đương nhiên là của dân tộc, phải được truyền đời cho con cho cháu. Muôn sau bất cứ ai trong con cháu hỏi dân tộc Việt là gì thì đã sẵn câu trả lời nằm trong Bộ sách dân tộc và xâu chuỗi hàng ngàn Quỹ Mẹ mỗi đời mỗi to thêm, và dân Việt có ngày sẽ trở nên rất giàu mạnh. Vì mục tiêu là thế, nên quỹ phải được tăng trưởng liên tục và chỉ được tiêu có lãi, theo nghị quyết của Hội Đồng Chỉ Đạo họp mỗi năm một lần. HĐCD thành bởi ban đại diện của các quỹ mẹ có về hội để tham dự nghị quyết. HĐCD cũng bầu ra ít người làm thành tổ để mang trách nhiệm về mọi tài sản của VIỆT LINH như các đất đai, tài vật cũng như các quỹ mẹ, đời đời là của dân chứ không bao

giờ sang nhượng cho chính quyền nào. Tổ cũng sẽ lưu ý về những gì cần làm để giữ thể diện cho dân tộc, bao lâu chưa có chính quyền hợp ý dân, nhưng VIỆT LINH không bao giờ nhằm nắm chính quyền hay cả đại diện chính thức cho nước, Việt linh nhất định sẽ đời đời là dân, vạn đại chi dân.

Đã không làm chính trị theo nghĩa nhằm nắm chính quyền, cũng không nghiêng về tôn giáo nào, ngoài đạo gia tiên quốc tổ, nên ai cũng gia nhập được mà không động gì đến tôn giáo mình, đảng phái mình hay đoàn hội mình. Cũng như sự phát triển VIỆT LINH không làm lợi riêng cho phe nhóm hay tôn giáo nào, mà là lợi cho tất cả. Những người phải ăn nói với nước ngoài sẽ cảm thấy đầu tiên ơn ích đó.

Cơ cấu VIỆT LINH được rút ra từ nhiều ngàn năm kinh nghiệm tổ tiên, lại đối chiếu với kinh nghiệm các nền văn hóa lớn trên hoàn cầu, cũng như đủ thứ đạo lý, lý thuyết, nên thiết nghĩ có thể bảo đảm sẽ không gây tai họa cho ai, mà chỉ làm cho dân tộc trở nên mạnh, càng ngày càng mạnh. Hiện nay tuy còn rất nhỏ, nhưng về cơ cấu thì kể là đã thiết định, nếu được nhiều người tham gia thì chỉ ít lâu chúng ta đã thành dân tộc có ý thức, bắt đầu chặn được đà suy thoái và tránh dần được sự coi khinh của ngoại nhân, đồng thời chúng ta khởi

12 | Kim Định

đầu trở nên mạnh.

Hình Phủ Việt

Hình Giao Long

Hình Vòng Con Giáp

Hình Giao chỉ bằng Hôn

CHƯƠNG II : VIỆT LINH LÀ GÌ ?

Thưa là nước Việt nam linh thiêng gồm cả quê nội lẫn hải ngoại, hai bên sẽ đời đời ràng buộc với nhau bằng những mối tình tương thân tương trợ. Hiện nay nước Việt nam không còn : quê nội đã mất vào tay chủ thuyết ngoại lai, còn hải ngoại chưa thống nhất được nên chưa là dân tộc. Nay nếu gây nên được sự thống nhất dân tộc thì ta sẽ làm ra được một nước Việt nam linh thiêng, tức không dựa trên đất đai, nhưng trên hồn thiêng sông núi, hào khí anh linh. Trong thực tế thì cần bước thống nhất làm đầu. Hễ có được chút thống nhất là ta đã có VIỆT LINH rồi đó, dù rất nhỏ, nhưng đã khởi đầu có thực, chỉ còn việc mở mang thêm, là phát triển những mẫu số chung đưa đến thống nhất trung thực. Có hai mẫu số chung : một là bộ sách dân tộc hai là một xâu Quĩ Mẹ.

1. Một Bộ Sách Dân Tộc

Để trình bày chủ đạo của dân tộc. Đó là điều quan trọng hơn hết, bởi chủ đạo là linh hồn của một dân tộc: đạo càng vững mạnh thì dân tộc càng hùng cường trường cửu. Sở dĩ dân Do Thái mạnh là nhờ có Thánh Kinh, người ta gọi Thánh Kinh là quê hương bỏ túi của họ. Họ đi tới đâu thì mang « quê hương » tới đó. Hằng

tuần họ gặp nhau trong nhà công hội để nghe giảng Thánh Kinh, nhờ đó lòng yêu thương dân tộc được duy trì để xây đắp sức mạnh.

Hỏi ta có sách nào tương đương như vậy chăng ? Thừa có, đó là các kinh vô tự dạy đạo làm người, nhờ đó cha ông ta đã dựng và giữ được nước nhiều ngàn năm. Chẳng may chúng ta quên khuấy nên mất nước. Rõ ràng là « Đạo mất trước nước mất sau ». Nay muốn khôi phục nước thì trước hết phải lấy lại Đạo. Vì thế phải nghiên cứu học hỏi mấy sách của dân tộc như Cây Việt, Sách Ước, Trống Đồng. Ấy là bấy nhiêu bản tóm chủ đạo cách siêu diệu mà rực rỡ nhất là Trống đồng. Chúng ta phải coi tranh đó như quốc bảo, và cổ động treo trong các gia đình để nhận ra nhau là người Việt (sắp tái bản có thêm hình đầy đủ hơn). Còn về Đạo thì sẽ được nhắc nhở hằng tháng bằng tập nội san « Việt linh KINH SỬ », trong đó ngoài tin tức VIỆT LINH, còn có huyền sử rất hấp dẫn (Bộ đầu tiên là « Anh Hùng Lĩnh Nam » của Yên tử cư sĩ).

2. Một hệ thống Quĩ Mẹ

Quĩ Mẹ thay cho quê Mẹ dùng để ràng buộc người Việt với nhau thành một công thể có thực lực. Quĩ Mẹ

thành bởi tiền mỗi người tích góp hằng tháng, từ một đến dăm mười đồng, cộng với những tiền kiếm được bất kỳ cách nào. Để tránh khỏi bị lường gạt lần nữa, ta hãy cùng nhau quyết định rằng : đồng tiền một khi đã bỏ vào Quỹ Mẹ thì phải được coi là linh thiêng bất khả xâm phạm : đã được kê là tài sản chung của dân tộc, phải được truyền dòng nối dõi cho mỗi ngày mỗi to lên. Vì vậy không được tiêu cho việc riêng hay tùy ý. Để chắc ăn Quỹ Mẹ phải được quản trị thay cho Dân Tộc do chính những người đóng góp : bỏ ngân hàng phải có vài ba người đứng tên. Lệ Quỹ Mẹ là chỉ được tiêu có lãi xin ước định là 10% trên số tiền kết toán cuối năm trước, thí dụ quỹ của Bang A cuối năm 89 có mười ngàn thì năm 90 được tiêu một ngàn, chia cho tổ 3.4%, Bang giữ lại 6.6 để tiêu cho Bang mình. Những con số này có thể thay đổi nhưng bao giờ số thu cũng phải vượt xa số tiêu. Giữ được như thế rồi tiền sẽ đẻ ra tiền, để đến một lúc nào đó ta sẽ trở nên một dân tộc giàu mạnh, càng ngày càng giàu không lúc nào thiếu tiền cho những việc chung. Bởi ta sẽ có hàng trăm Quỹ Mẹ rải rác khắp hoàn cầu, không ai có thể phá chúng ta được. Quỹ Mẹ lớn nhất là của tổ, thứ nhì là các Bang hoặc đoàn thể, thứ ba là của các họ. Ngoài ra có quỹ của gia tộc hay cả gia đình dùng được như « ruộng hương hỏa ». Những Quỹ nhỏ có thể gửi ngân hàng hay nhờ tổ giữ hộ tùy ý. Quỹ

tổ cũng chia ra nhiều trương mục, không dễ gì để ai độc hữu chuyên quyền. Mọi việc chi tiêu đều phải do hội đồng chỉ đạo qui định hoặc trong kỳ đại hội hằng năm. Đại hội năm nay 89 sẽ họp từ mùng 5-8 tháng 7 tại Quận Cam.

3. Hỏi Quĩ Mẹ để làm gì ?

Thưa đề tiêu cho những việc lẽ ra là của chính quyền, nhưng nay không có thì phải cố làm thay, tổ chức nào làm được thì kể như một thứ nước. Thí dụ ít việc sau đây :

A. Đẩy mạnh việc dạy quốc ngữ bằng

1) Thống nhất cách dạy, thống nhất một số sách giáo khoa (đã làm tự năm ngoái, hẹn mỗi năm mỗi sửa chừng dăm năm thì hoàn chỉnh).

2) Lập trại hè cho các em có dịp nói tiếng Việt, học văn hóa Việt, cách cư xử ăn nói. Trại kéo dài chừng một tháng (Do Thái mở hai tháng).

B. Lập « Đạo Thất » (cái nhà kiêm cả đình kiêm đền quốc tử, là như cái nhân cho một thứ làng Việt Nam) để các đoàn thể có nơi sinh hoạt. Có nơi đủ tiêu chuẩn

để đón các em không thân nhân còn nằm ụ hàng ngàn trong các trại. Có nơi cư ngụ cho những cụ già lẻ loi.

C. Mai ngày khi nước trở về với quốc gia thì hải ngoại sẽ giúp đỡ cách quy mô và mãi mãi. Ngay từ bây giờ VIỆT LINH đã lập dần các ủy ban nghiên cứu về đủ ngành : giáo dục, nông, lâm, súc, điện năng, cả vấn đề dựng lại nước trên mô thức nào. Đến khi phải về xây nước thì mọi sự đã được lo sẵn...

D. Một tờ báo ngoại ngữ để đưa tiếng nói người Việt tới tận những nơi cần thiết. Hiện nay trên chính trường quốc tế ta vẫn là những người không có tiếng nói. Đưa sách quốc gia vào thư viện công cộng nay toàn sách cộng sản. Tài trợ những dự án có giá trị... Tóm lại những việc cần để giữ thể diện cho dân tộc, đất nước thì phải được lo.

Xin anh linh của muôn thế hệ tiên tổ hãy linh động cho nhiều người, nhiều hội đoàn ủng hộ chương trình. Nếu có thuận lợi xin hãy tự động lập quỹ, rồi liên lạc sau, vì chẳng có chi mà phải dè dặt : không có cơ chế nào dân chủ bằng VIỆT LINH, HĐCĐ (do các chủ Quỹ Mẹ bầu lên) cũng như tổ chỉ có nhiệm vụ điều hợp và phối trí : chứ không có quyền chi hết, không bắt được ai phải trao quyền (tiền vốn) đi đâu cả, nên vắng bóng phiêu lưu, thế mà thành tựu thì nắm chắc.

Việt linh là một thứ liên Bang. Bang là một cộng đồng nó như một Làng xưa, nói Bang vì chữ này hàm ý tương trợ lúc lưu vong. Bang có thể gồm nhiều Họ. Họ gồm độ mười người trở lại, có thể là một gia tộc hay cả gia đình. Tổ (tổ chim, dùng chữ này để tránh chữ trung ương) là đầu não có nhiệm vụ điều hợp toàn tổ chức, hiện đã thành lập trên 9 tiểu bang (Mỹ). Alaska mới lên Bang (thứ 9) tháng 3/89, trước đó chỉ là Họ An Việt. Washington, D.C. lên bang thứ 10 tháng 4/89. Ngoài Mỹ có Toronto bên Canada, London bên Anh (hiện là Bang phát triển mạnh nhất). Bên Úc tuy đã có vài quỹ Mẹ nhưng chưa hẳn có Bang nào ngoài dăm họ An Việt. Hiện nay các họ muốn liên lạc thẳng với tổ tùy ý, chưa cần liên hệ hàng ngang với Bang vì chưa chia miền hay châu, nên cũng chưa có đại diện miền hay châu, chờ đến lúc phát triển khá sẽ hay. Đã có sự cộng tác chặt chẽ giữa các tôn giáo lớn trên địa hạt dân tộc, sẽ công bố chi tiết trong kỳ đại hội.

Cơ cấu Việt linh thì trên hết có Tổ. Rồi đến các Bang. Tới nữa là các Họ. Họ là đơn vị nền tảng gồm dăm ba người có nhiệt huyết đứng ra thành lập một nhóm mười lăm người, thì thành một Họ. Họ cũng có thể là một gia tộc hay cả gia đình, lúc ấy quỹ mẹ sẽ trở nên một thứ ruộng hương hỏa. Nhiều Họ thành một Bang. Số Họ không nhất thiết, nếu một nhóm mạnh có khả năng giữ

quĩ Mẹ lâu dài thì cũng kể là một Bang, như phần lớn những nhóm trong vùng đông người. Tổ là ban đầu nào có gồm đại diện của mấy Bang lớn, và nhất là đại diện các Bộ. Bộ là đại diện các đoàn thể lớn như tôn giáo, những mặt trận v... v...

Bất kỳ cấp nào cũng theo lối tập đoàn chỉ huy kiểu tam tam chế. Quyền lớn nhất là quyết định chi tiêu cho cái gì, chi bao nhiêu... thì đều do Hội Đồng Chỉ Đạo nghị quyết. HĐCD họp năm một lần. Ngoài ra chỉ có quyền điều động và phối trí, nên sẽ dần dần mình định cũng không sợ hư việc. Chí như vụ giữ tiền thì phải coi là nền tảng, nên nhất định phải theo qui chế Quĩ Mẹ : một đồng cũng không để sa sảy đi đâu thì mới giữ được niềm tin để đi đến kết quả. Qui chế hơn kém rất co giãn là để dễ dàng cho sự liên kết các đoàn thể. Ban đầu chưa vội tổ chức chặt để dễ phát triển. Họ có thể liên hệ thẳng với Tổ, hoặc với Bang tùy nghi. Cũng như trong một cộng đồng có thể có nhiều Họ hay Bang, y như trong một địa phương có nhiều đoàn thể vậy.

Trên đây là phác họa toàn diện chương trình về lâu về dài phải nói rộng để đáp ứng nhiều ước vọng của nhiều nhóm, nhưng trong thực tế thì cần lo ráo riết đến thiếu niên không thân nhân bên trại hay bên này, và việc rắc rối khi đi vào hiện thực sẽ bàn luận rất dài dòng...

CHƯƠNG III : VIỆT LINH MỘT PHƯƠNG THỨC ĐOÀN HỢP

Một dân tộc cũng như một cá nhân chỉ được kính nể theo tỉ lệ thuận với bản lãnh được biểu lộ. Thế mà bản lãnh của một dân tộc chỉ được biểu lộ theo mức độ thống nhất. Thống nhất cao bao nhiêu thì bản lãnh càng tỏ lộ thêm bấy nhiêu. Điều đó sẽ làm cho dân tộc mình ít nhất không bị coi thường, do đó sẽ không còn bị từ khước những quyền lợi lẽ ra phải dành cho mình, nhưng vì thấy mình mới chỉ là đám đông rời rạc, họ gọi là những di dân kinh tế, tương đương với chữ tha phương cầu thực, liền ngỗ với xóm ăn mày, không cần kính nể mà chỉ bố thí ít nhiều tùy theo lòng trắc ẩn xót thương động lòng ứng kiểu thời tiết bất thần. Mà chúng ta không kêu vào đâu được, mình làm con giun thì rán mà chịu giày xéo. Muốn khỏi bị coi thường thì chỉ còn cách đoàn tụ lại. Bởi có những người thật tình muốn giúp chúng ta nhưng họ cũng phải bó tay vì ta chưa đoàn hợp lại được, thì họ biết trước là có giúp cũng sẽ không đi tới đâu nên họ không dám giúp : họ phải giữ thể giá cho họ. Ai đã thử đi vận động cho dân tộc liền thấy sự thiệt thòi đó, cũng như thấy rõ để đoàn tụ lại thì tránh được những thiệt thòi nói trên.

Đến lúc này ai cũng có thể thấy rằng trước mắt chúng ta đang hiện ra hai nẻo đường : một là tiếp tục tan rã từ trước đến nay, với mọi thiệt thòi vẫn đi kèm sát gót. Hai nữa là bước lên đài vinh quang của một dân tộc có nền văn hóa thực cao thâm. Ai trong ta cũng muốn cho dân tộc được nở mày nở mặt nhưng điều kiện bất khả vô là phải đoàn hợp.

Trong việc này nếu các đoàn thể và trên hết là các tôn giáo chịu làm thì chỉ ngày một ngày hai chúng ta đã có thống nhất, vì tôn giáo bao gồm có thể đến 90% dân, tức là đã vượt xa mức độ cần thiết. Các điều này ai cũng đồng ý hết, rất nhiều người đã giục chúng tôi hãy vận động một hội đồng các tôn giáo. Mỗi lần nghe thì tôi đều nói vắn ra, vì đã quá quen mấy thứ đó rồi, công khó rất nhiều mà hiệu quả thường không quá mức ngoại giao với đại diện. Thiện chí không phải không có, nhưng muốn bắt đầu từ trên trở xuống thì khó vô cùng.

Nhưng nếu vậy không mong chờ được chỉ ở các tôn giáo sao ? Thừa có chứ, rất nhiều là khác nhưng với điều kiện là người tôn giáo có thể đứng ra chỉ như tiêu biểu, chứ không như đại biểu. Còn nếu có nghĩ tới liên kết thì bên Công Giáo chỉ nghĩ đến Liên Đoàn là hết cỡ. Bên Phật Giáo thì đến Liên Đoàn Phật tử là cùng.

Về trước thì khiêm nhượng như vậy, mà cả về sau cũng không bao giờ nghĩ tới nắm chính quyền, và điều đó thuộc hiến chế, nghĩa là không bao giờ được ra nắm chính quyền nhân danh Việt Linh. Giữ kỷ như vậy để tránh làm sút mẻ chức làm « vạn đại chi dân ». Chúng tôi cho rằng sự hiệu nghiệm của Việt Linh nằm trong những cái bé nhỏ và dễ dàng đó, đúng với hai câu châm ngôn đã hướng dẫn sự hình thành Việt Linh : « vi đại ư kỳ tế » và « đồ nan ư kỳ dị ».

Chữ hiệu nghiệm trên đây xin được hiểu về cả hai đảng : trước hết cho dân tộc, khi một hội đoàn nhất là của tôn giáo mà chịu liên kết với Việt Linh là làm cho dân tộc lớn lên, thêm cường thịnh tức khắc bằng đem đến cho dân tộc một phần cơ chế đã sẵn có, khỏi phải trải qua giai đoạn kết nạp, thế mà lại không hề làm ích riêng cho một ai, vì Việt Linh không hướng đến quyền chức nào hết, còn tiền tài thì ai nấy giữ, tham lạm vào đâu được. Nên làm việc cho Việt Linh là hy sinh trọn vẹn cách trong sáng.

Cũng không làm lợi riêng cho đoàn thể hay nhất là tôn giáo nào khác, vì Việt Linh bám sát đạo gia tiên quốc tổ, nhất định không nghiêng sang tôn giáo nào như đã được trình bày trong hơn ba chục sách. Đảng khác giả có muốn thiên tư tôn giáo nào thì đã có các tôn

giáo khác theo dõi từng bước đi, đâu có dễ gì qua mặt được ai. Cho nên không tôn giáo nào phải e ngại Việt Linh gây tổn hại chi cho mình. Nhất là về phía đoàn thể không phải nhường quyền hạn chi thuộc đoàn hội cho Việt Linh hết, chẳng qua chỉ mở thêm có cái quỹ mẹ thôi, mà quỹ mẹ có thể rất tượng trưng.

Đàng khác cũng không gây thiệt thòi cho bất cứ đoàn hội nào bằng cách rút người ra khỏi đoàn hội nọ kia. Đó là điều không một tôn giáo nào hay đoàn hội nào có thể làm được như Việt Linh, vì khi thí dụ 9 người vào tôn giáo B thì thường là bỏ tôn giáo A, nên A thiệt đi 9 người đó. Còn Việt Linh thì chẳng qua chỉ muốn ý thức mình là người Việt Nam, có thể thôi chứ không hề phải từ giã tôn giáo này hay hội đoàn kia, vì ai ai cũng đang là người Việt Nam rồi, nay có vào Việt Linh hay không thì con số trong mọi tôn giáo vẫn y nguyên như trước, bởi vào Việt Linh chẳng qua là muốn giúp mình giúp người cùng nhận thức ra mình là người Việt. Sự nhận thức đó không làm hại ai hay đoàn thể nào, nhưng lại rất quan trọng cho sự lớn mạnh và thống nhất dân tộc của chúng ta.

Tóm lại Việt Linh là phương thức xây dựng một quê hương phụ trội mở rộng khắp hoàn cầu và đời đời còn đó để giới lại cho các thế hệ mai sau, cũng như rất hiệu

nghiệm để ta gây nền thống nhất dân tộc, không có gì là phiêu lưu cả. Thế mà các tôn giáo có thể góp công vào việc này rất dễ dàng. Cho tới nay tôn giáo coi như « thờ ơ » với quê hương đất nước chẳng qua vì chưa gặp được công việc đích đáng để làm. Thiết tưởng quỹ Mẹ đáp ứng cho nhu cầu đó, vì nó nối tôn giáo với quê hương vào một : tích góp vào quỹ mẹ cũng là tích góp cho đoàn hội tôn giáo (66% lãi mỗi năm). Hy vọng Việt Linh sẽ gặp được nhiều hưởng ứng nơi các tôn giáo trong việc xây đắp cho quê hương đất nước.

Vì những lý do đó tôi xin gửi tới đồng bào lời mời gọi mọi người hãy đồng tâm hợp lực để chúng ta đưa quê nước ra khỏi cảnh cùng khổ chưa bao giờ thâm đến như nay. Hiện người Việt chúng ta đang giữ hai chức quán quân hoàn vũ. Bên nhà là quán quân cùng khổ đói nghèo. Ở hải ngoại thì quán quân tan rã. Lòng tự trọng của một dân tộc hơn bốn ngàn năm văn hiến không cho phép chúng ta để như vậy được. Cha ông nhắn nhủ « sách rách cố giữ lấy lề ». Sách đã bị lũ vong bản xé nát, thì ta cố giữ lấy cái lề, mà nay ra nước ngoài nhìn lại và đối chiếu với các nền văn minh đông tây kim cổ, mới thấy cái Lề đó đáng quý vô ngần rất xứng đáng cho chúng ta hi sinh công của để quang phục đặng có gì đóng góp với người cũng như trời lại cho con cháu muôn sau.

B. VỀ ĐẠO LÝ

CHƯƠNG IV : NGUỒN GỐC VĂN HÓA VIỆT

Tên huyền sử nước Việt là Văn lang, nên phải tìm nguồn gốc về phía văn (mà không về đàng vật thể như đo sọ, đo xương, và những dụng cụ trần trụi). Vậy trong các cổ vật xưa nhất còn tìm được thì có một món hàm tàng đầy ý nghĩa đó là phủ Việt cũng gọi là cây Việt (hình 1). Phủ Việt cho biết cận kề về Việt cả Tính lẫn Danh.

Danh là Việt (Việt búa) sau sẽ làm nảy sinh ra dòng Bách Việt (Việt Mễ : ngữ lý chỉ kể cách phát âm, chứ không kể chữ viết). Một danh xưng bao gồm nhiều chi tộc hơn hết.

Còn Tính thì được nhận ra qua việc đeo lông chim khi múa với hai giao long đang hát giao chỉ (Hình). Nghĩa là có tính thanh thoát nhẹ nhàng (có cánh như bay lên) vui tươi an lạc (hình 2 = hai giao long).

Hình họa đó nói lên mối liên hệ thâm sâu với mẹ tiên cha rồng. Tiên là ba người đeo lông chim. Rồng là hai giao long đang hát cài hoa kết hoa, (cũng gọi được là hát trống quân sơ khởi).

Thế là hai đảng quốc tổ tiên rồng được chứng minh ngay trong hình vẽ của cây Việt cách khít khao mà lại thú vị khôn chừng. Như vậy ngay hai chữ tiên rồng đã nói lên được đức tính dân tộc cách sâu thẳm : nó ở tai nổi được hai đối cực : tiên ở trên núi cao chót vót, rồng lặn dưới biển cả thẳm sâu : núi đứng dọc, biển nằm ngang, trái ngược như vậy mà lại gặp được nhau trong thế động đích tương giao được biểu thị bằng cái hôn nồng cháy mà Mẹ Âu cơ tiên đang mùi mẫn đưa xuống mãi tận cuống họng của cha Lạc long quân đang ngửa ngửa lòng. (Hình 3 = Hôn)

Đây là ấn tích tỏ rõ hai quốc tổ đã đạt được độ Chí Trung nên đạt Chí Hòa, nhờ đó giải quyết được vấn đề then chốt nền tảng là cộng tròn với vuông, tức hội nhập hai đối cực. Điều đó có nghĩa là đã đạt Đạo, tức bao gồm được cả âm lẫn dương, cả không lẫn có. Hầu hết các triết học không đạt được như thế, mà chỉ có một chiều, nên không đủ khả năng tạo thống nhất hòa âm cho nhân loại, cũng như không đạt Minh Triết để tạo hạnh phúc cho con người.

Lấy tiên rồng làm cứ để nghiên cứu thêm xuyên qua phủ Việt, Sách ước, Ngũ hành chúng ta sẽ thấy một nguồn gổ đẹp vô biên, như xem thêm trong hai bài V và VI

CHƯƠNG V : MINH TRIẾT TRONG MỘT BIỂU HIỆU

Hình biểu hiệu (hình số 4) là thứ đồ án gợi hứng từ cây Việt đề gói ghém tinh hoa Minh triết Thái Bình Dương.

Minh triết là nghệ thuật tối cao xếp đặt việc nhà việc nước sao cho mọi người được hạnh phúc. Nói kiểu cơ cấu luận tức tổng quát hóa cùng cực thì Minh triết là khả năng hội nhập hai thái cực. Bó buộc phải định nghĩa như thế mới hợp Tính thể con người cũng như của muôn vật, đều thành bởi hai yếu tố đẩy nhau. Mà Minh triết là biết sống thuận theo bản tính mình.

Mọi người khôn ngoan trung bình đều cư xử như thế, và kể là có minh triết, nhưng là minh triết vô thức, thường nghiệm, cũng gọi là lương tri, không đạt cao độ được. Muốn thế, muốn có Minh triết viết hoa thì phải có Đạo tức phương pháp thấu triệt bao gồm đủ cỡ tạm kết ra như sau về từng phương diện.

Siêu hình thì giữa có với không, giữa vô với hữu.

Tâm lý thì giữa ý với tình, ý thức với tiềm thức.

Chính trị là giữa cương với nhu, giữa pháp luật với tự do dân chủ.

Người đạt Minh triết là khi nhìn thấu tự siêu hình qua tâm lý đến chính trị, còn không thấu trên mà chỉ loay hoay dưới tầng chính trị thì chỉ là thiện nhân (chính trị lương tri). Thái Bình đã đạt Minh triết, hơn thế còn để lại những ấn tích chói chang, như trong phủ Việt, được minh họa bằng Sách ước, diễn bằng số « vài ba = tham lưỡng » quảng diễn thành ba bộ số 2, 3, 5 như sau :

Số 2 chỉ Thái Hòa, là hòa hợp được hai đối cực như trời với đất, tròn với vuông, chẵn với lẻ. Đây là bước căn bản hơn hết, mà nếu không cộng nổi thì không làm nên trò trống gì, kể ngay từ triết lý chỉ có một chiều thì có khác chi con thuyền không lái, hay chỉ có lái một chiều thì thuyền sẽ xoay như chong chóng. Vậy mà đó là tình trạng thế giới. Ngoại trừ xưa kia Thái Bình đã đạt và lưu lại kiểu nói ồm ờ, quen nói bằng số 2 đặc biệt là « hai mà một, một mà hai ». Đó là nền tảng « Thống nhất » sẽ dẫn đến lối cai trị theo nguyên lý thân tộc : mọi người đều coi nhau như thân thuộc, không chia giai cấp, không chủ không nô, không vô sản với hữu sản, mà là bình sản. Ngược với « Đồng nhất » = một chỉ là một, không thể là hai nên phải chọn một bỏ một, là điều sẽ dẫn tới nguyên lý thống trị chinh phục, chia xã hội ra giai cấp, bên chủ bên nô, với đầy chênh lệch. Trong biểu hiệu số 2 là hai nét vòng lên. Nó chỉ phân âm là tinh thần phải ở trên.

Số 3 chỉ Nhân Chủ là người tự làm chủ lấy vận mệnh của mình, không quá suy phục trời như duy tâm, cũng không quá suy phục đất như duy vật, mà cư xử như một chủ trong ba chủ, một Tài trong Tam Tài : Trời, Đất, Người, nhờ đó con người có thêm tự do hàng dọc làm cho con người biết tiến tới vô cùng mà không bị vong thân đặt tiền tài trên con người. Trái lại người nhân chủ luôn luôn biết trọng nhân nghĩa hơn tiền tài, biết coi nhân đức là bản gốc, tài vật là ngọn ngành nên Nhân Chủ được chỉ bằng số 3. Do lập trường thứ ba : một là có, hai là không, ba là vừa có vừa không một trật.

Văn hóa chối bỏ số 3 là vật chủ (chosisme) tức đặt nền tảng không trên đạo nghĩa nhưng trên tài vật, vì thế con người phải động ứng theo quy luật của sự vật, là điều sẽ dẫn đến các xã hội tranh đoạt như đàn thú tranh mồi. Trong logo số 3 là 3 gạch ngang nằm dưới. Nó chỉ phân lý vật thể phải suy phục tinh thần.

Số 5 chỉ Tâm Linh là cái linh thiêng cao cả phải tìm trong tâm hồn, nơi sâu thẳm của lòng người thì mới đạt thân, mới được hạnh phúc. Ngược lại khi đặt ở ngoài (ở lý trí, hay ý niệm) thì sẽ vong thân sẽ phải khốn khổ nghèo hèn vì dồn hết sinh lực vào việc theo đuổi những ảo tưởng, thì tiếp tới bao giờ cũng là thời Võ Mộng như cộng sản đang ném thử.

Thái triết chỉ mẹ bằng chim, ở trên núi, chỉ cha bằng rồng ở dưới biển và nói : « Mẹ non nhân, cha nước trí ». Nếu cha đẩy mẹ thì ra duy trí, bằng Ngũ hành chỉ bằng số 1, hay là duy vật bằng số 4 như nay, thì văn hóa tất phải khủng hoảng trầm trọng. Muốn chữa chạy thì cần đề cao Tâm tình, cần đề cao nguyên lý mẹ được biểu thị bằng chim như thấy trong logo, hay bằng vai thái mẫu trong các Thái Thất.

Thêm 4 số ngoài vào số 5 trong thì thành « Cửu Lạc » = số 9 của dân Lạc Việt, nôm na gọi là Gậy thần, vì nó giúp cho thành tựu được một việc ít thấy đâu làm nổi là hội nhập được cả tự do và pháp luật trong liều lượng lý tưởng. Trang Tử khen là vừa có đủ pháp luật để thành tựu cuộc trị an, cũng như đủ tự do cho con người giữ được nhân chủ tính. « Cửu Lạc chi sự : trị thành đức bị ».

Đại để đó là bản tóm vào một biểu hiệu cả một nền Minh triết mệnh mông như Biển Thái Bình. Logo này được gọi hứng từ huy hiệu Cây Việt trên có hai giao long dưới có ba người đeo lông chim, tức số 2 tiên rồng với các số 3, 5. Muốn nắm vững ý nghĩa ba số đó phải xem kỹ bằng Ngũ hành, phát nguyên từ Sách Ước cũng như từ truyện hiền triết Tanê ở đảo Đanê nhân được 2 hòn đá quyền lực và 3 thùng khôn v.v... Hơn thế cả pho

giáo đều căn cứ trên ba số trên gọi là Âm Dương (số 2), Tam Tài (số 3), Ngũ Hành (số 5). Tất cả các truyện cũng như những điển chương đều mang số 2, 3, 5 cũng như tất cả đều phát nguyên từ Thái Bình Dương, nên gọi là « Thái Triết », nói gọn cho chữ « Thái Bình Minh Triết ». Túi khôn của loài người nguyên thủy nằm trong thuật ngữ « Vài Ba » đó.

CHƯƠNG VI : MINH TRIẾT TRONG TRỐNG ĐỒNG

Trống Đông sơn là một lâu đài văn hóa chung cho các nước Đông Á và Thái Bình Dương, xuất hiện vào quãng đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước tây lịch. Cao 63cm. Mặt rộng 79 cm. Tang rộng 85 cm. Những hình ảnh tạc trên trống biểu thị một nền Minh Triết rất ơn ích mà ta có thể tóm lại trong ba nguyên lý nền tảng sau là Thái Hòa, Nhân Chủ, và Tâm Linh.

Có Minh Triết là khi nền triết nào đạt Thái Hoà.

Đạt Thái hòa là khi nối được hai thái cực lại thành một như nối Có với Không, Vô với Hữu. Đây là hai thái cực cùng tốt và thường được biểu thị bằng hình tròn với vuông, hoặc số chẵn với số lẻ, nghĩa là những cái đối cực nhau mà có thể hình dung ra được, vậy mà phải hòa được với nhau. Hễ hòa được thì gọi là Thái hòa.

Đây là cái Hòa căn để sinh ra mọi cái hòa bé nhỏ khác, như trong xã hội không chia giai cấp chủ nô, hữu sản với vô sản. Trong thực tế hầu không đâu đạt được nền Thái Hòa nọ, mà chỉ có một bên mất bên kia, gọi chung là duy tâm hay duy vật trong triết gọi đó là nhị nguyên đối kháng, gây ra biết bao chia rẽ đau thương. Vì khi triết đã duy vật một chiều, thì dù muốn hòa mấy

đi nữa vẫn không hòa được, như cộng sản càng chống giai cấp thì lại càng gây thêm giai cấp mới. Vì thế mà ta không gặp thấy Thái Hòa đâu cả. Phải trở về mãi thời thái cổ mới gặp được nét Thái Hòa, và gặp nhiều nhất là nơi Thái Bình dương, thí dụ :

Thái Hòa thấy được trong trống đồng Đông Sơn rất là đầy đủ. Trước hết khi xem toàn thể di vật thì thấy Thái Hòa giữa mặt và tang trống.

- Mặt trống với tang trống được trình bày như hai đối cực : một ngang, một dọc, dọc là tang trống, ngang là mặt trống, Mặt chỉ tiên mẹ, tang chỉ rồng cha. 50 con theo mẹ lên núi mặt, 50 con theo cha xuống biển tang. Tiên mẹ được biểu thị bằng các loại chim nước như hải âu (Âu Cơ nghi mẫu) hồng hộc (hạc) vạc, lộ. Còn tang là cha rồng biểu thị bằng 6 chiếc thuyền đã biến thể thành 6 con rồng đang nằm ngửa há miệng chờ cái hôn sâu tới tận họng.

- Thứ đến riêng mặt trống thì trung cung là vàng nhật được bao quanh bởi 14 Tam giác góc. Con số 14 chỉ 2 tuần trăng : $2 \times 7 = 14$. Hai vùng nhật nguyệt biểu thị Thái cực sinh lưỡng nghi được chỉ thị bằng hai bên chân lẻ.

- Chấn ở bên chiêu : trên nóc nhà có hai chim, đoàn người 6, đoàn chim 4 cặp. Lễ ở bên mục : trên nóc nhà 1 chim, đoàn người 7, đoàn chim 3 cặp.

- Ngoài ra còn nhiều cặp đôi chọi khác như chim thì con to con nhỏ, con đứng con bay. Mười con hươu sao thì con cái con đực

Tóm lại là hai đối cực được đặt nổi cách chọi chang, thế mà bao giờ cũng được nối lại cách rất chặt chẽ bằng cái hôn giao chỉ : nên không thể chọi cãi được là có Thái Hòa. Mà đã đạt Thái Hòa thì tất có khả năng gây mọi cuộc hòa nhỏ để áp dụng vào cõi nhân sinh, như trong xã hội không hề có chế độ nô lệ, không bên chủ bên nô, cũng không chia ra bên hữu sản với vô sản, mà là Bình Sản cho hết mọi người. Toàn dân chỉ có một nền văn hóa chung tự vua chí dân y như nhau. Đó là văn hóa của Con Người Nhân Chủ.

Nhân Chủ là Con Người nối kết được tiêu ngã với Đại Ngã, mà Đại Ngã là vô biên. Chính cái vô biên đem lại cho con người vị trí cao cả ngang hàng với trời cùng đất như một vua trong ba vua : nếu Trời là vua, Đất là vua, thì Người cũng là vua. Đó là ba quyền lực tối cao mà người là một, quen gọi là cõi người ta trở nên một Tài trong tam Tài : Trời, Người, Đất. Trời được đại diện do mặt Nhật nguyệt ở trung cung. Người chiếm hai vòng

giữa : vòng Tam giác gốc chỉ con người Đại Ngã, rồi đến vòng tiểu ngã là các người đi kiệu đang ca nhảy múa hát.

Hai vòng ngoài cùng gồm toàn chim muông nên chi thiên nhiên, tức tài Địa.

Thật là rõ ràng : có đủ ba cõi : Trời, Đất, người. Nhờ vậy con người không bị nô lệ cho trời kiêu định mệnh. Cũng không nô lệ cho đất, không nô lệ cho địa lợi như duy vật. Cả hai đều gây khổ lụy cho con người như ta thấy dọc dài qua ba mươi thế kỷ : những nước bị thứ triết lý duy đó đều đói khổ, như duy tâm Ấn độ, hay duy vật cộng sản nay.

Còn điểm cuối cùng nữa là Tâm Linh

Tâm linh là cái linh đặt ngay trong tâm hồn con người.

Nói kiểu tích cực thì phải tìm cái linh thiêng cao cả ngay trong Tâm mình mà không được tìm cả bên ngoài nơi vật thể. Bên ngoài là lý trí với hiện tượng hữu hình, chỉ được chiếm 2, còn 3 phải dành cho bên trong là Tâm tình, là Tính thể viên dung nguồn mạch mọi phúc lạc, nhưng vì thiếu chữ Chí Trung không thấy được đâu là nguồn hạnh phúc, mới tìm ra bên ngoài.

Nhưng tìm ra ngoài thì càng ra lại càng đói, vì những cái hữu hạn dù có chồng chất lên bao nhiêu cũng không khóa lấp nổi cơn đói khát cái vô biên, nên thấy còn đói thì tưởng khối lượng trước chưa đủ, nên lại thêm nữa, thêm nữa, càng ngày càng cần đến những khối lượng khổng lồ, mà vẫn không no đủ, chỉ tổ gây thêm đau khổ muôn trùng. Những « nghệ thuật » khổng lồ như ziggurat, kim tự tháp v.v..đã mọc lên giữa muôn đau khổ, y như những đội quân khổng lồ hiện nay vượt xa tầm kích của nước thuộc cùng một loại khổng lồ tuy có khác hình thái nhưng vẫn gieo đau thương khổ lụy như nhau.

Muốn tránh khổ lụy thì phải đi trở vào, càng vào thì càng đi tới hòa hợp. làm cho tâm hồn được sáng khoái vô vàn. Vậy đó là đường lối Trống Đồng, một di vật mà các nhà nghiên cứu gọi là nhạc khí vũ trụ vì nó chứa đủ trời, đất, người, ấy thế mà nó lại được hiện thực vào hình thái của cái cối giã gạo chày đứng, một vật dụng ăn làm hằng ngày trong tầm tay mọi người, không một tham vọng lượng chất nào hết, đến nỗi các nhà nghiên cứu đã ghi nhận sự vắng bóng kích thước khổng lồ làm nét đặc trưng văn hóa Đông Sơn.

Vậy đã là đặc biệt nhưng còn đặc biệt hơn nữa là các hình vẽ đều hòa hợp với nhau để làm nên con đường

xoáy ốc vào trung cung. Sách Trung dung thu gọn vào câu « CHÍ TRUNG HÒA ». Câu đó có thể giải rộng rằng : càng tiến vào trung bao nhiêu thì càng đi vào hòa bấy nhiêu. Đây có Chí Hòa thì tất có vụ đang tiến vào cỏi Chí Trung. Mà quả thật cả đoàn đang tiến vào Trung Cung cách động đích.

Hãy xem vòng ngoài cùng có 36 chim vừa chỉ 4 phương 4 mùa, vừa chỉ 4 chiếc hoa quỳ 9 cánh. Gọi là hoa quỳ vì nó hướng dương tức tiến về phía tả nhậm, là phía mặt trời mọc, nên nó như đoàn chim phượng hướng tới để chào mặt trời ban mai, gọi là « minh phượng triều dương », hàm ý tiến vào cỏi Tính thể. Nên khi ngắm đoàn chim tiến ngược kim đồng hồ ta dễ liên tưởng tới câu phong dao :

« Hoa quỳ chăm chăm hướng về Thái dương. »

Nhờ vậy mà cả đoàn có thái độ hoan lạc phong lưu. Theo nguyên nghĩa thì phong là gió, lưu là nước, hai chữ chập lại chỉ lối sống an vui thanh thoát được biểu thị bằng những cánh chim vượn dài như làm cho tấm thân trở thành nhẹ nhõm lâng lâng như thân chim toan cất cánh, nó biểu lộ tâm hồn siêu thoát thênh thang.

Đó chính là kết quả của nền Minh Triết dựa trên ba nguyên lý đầy nhân chủ tính là :

Thái Hòa, được minh họa bằng mẹ tiên trên mặt, cha rồng dưới tang. Giữa mặt trời là Nhật Nguyệt, rồi chia hai bên chẵn lẻ. Chẵn số 2, lẻ số 1 mà vẫn hợp hòa khăng khít bằng cái hôn đằm đuối Giao Chỉ.

Nhân chủ, được giới thiệu bằng vị thế Người đứng giữa Trời cùng Đất. Tiếp với Trời là những Đại Ngã. Tiếp với Đất là những tiểu ngã đang ca vũ làm thành một cõi người ta.

Tâm linh, biểu thị bằng những vòng vũ xoáy ốc vào trung cung nguyệt nhật thái hợp, thái hòa, tạo nên một nền Thống nhất lẫm liệt trên cấp vũ trụ.

Đó là ba nguyên lý của nền Minh Triết đã gây dựng cho các dân nước biết noi theo được hưởng một nếp sống đầy an vui phúc lạc. Nền triết này chắc sẽ góp phần lớn vào việc kiến tạo một nền văn minh mới thế cho nền văn minh hiện nay thiếu nguyên lý mẹ, tức đang bị điều động bởi ba nguyên lý vật thể là Đồng Nhất, Triệt Tam, và Nguyên ủy. Đó là bấy nhiêu sợi dây cột chặt tâm thức con người vào vật thể làm cho đời sống nếu không đầy sâu bi thống khổ, thì cũng tràn ngập lo âu khắc nghiệt : chỉ biết cắm trọn mắt vào cõi hiện tượng, không biết ngẩng mặt lên nhìn « Hóa Nhi Đa Hí Lộng » để biết sống cuộc đời an vui thanh thoát giống với trống đồng : tung tăng như đàn cá nước, nhớn

như những chim trời.

Dân tộc muốn đoàn hợp an vui, nhân loại muốn thống nhất hòa lạc tưởng không thể tìm được biểu hiệu nào cao siêu và linh nghiệm hơn chiếc Trống Đông Sơn vậy.

CHƯƠNG VII : BẢNG XẾP LOẠI CÁC NƯỚC

Khi người nào thể nghiệm được ba chân lý trình bày trong trống đồng (Thái Hòa, Nhân Chủ, Tâm Linh) thì kẻ là đắc đạo, cũng là có Minh Triết. Khi người ấy cai trị nước nào thì nước đó đứng vào bậc A, như bên ta xưa đời hoàng kim Nghiêu, Thuấn, Hùng vương, Tiết Liêu... Đó là những hiền triết có tài tế thế an bang, không bao giờ đụng đến lối chính trị khôn vặt trí xảo, lợi cho nhóm này thì hại cho nhóm kia, nhưng là lối quang minh chính đại ơn ích cho mọi người không những trong lãnh vực kinh tế mà luôn trên mặt tinh thần, cũng « bình được thiên hạ » theo nghĩa sách Đại Học nói « làm sáng cái đức sáng ra trong thiên hạ = minh minh đức ư thiên hạ ».

Bậc B là các nước ăn tự những chân lý trên, nhưng không còn nhận thức ra nữa như Tàu và ta trong hai nghìn năm qua. Dân chúng tuy được hưởng tự do và bình sản nhưng không được như trong bậc A. và khi gặp chủ thuyết chống phá thì không đủ khả năng đối địch. Hiện nay Nhật, Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba đang ngoi ngóp lên bậc này nhưng thực ra đi vào đường lợi hành như C, D chứ có tìm ra chủ đạo đâu, còn đang bị bõm trong chủ thuyết.

Bậc C và D là những nước không được thừa tự Minh Triết, mà chỉ có toàn triết học một chiều, nên không có được những cái nhìn sâu rộng cỡ kinh bang tế thế, nhưng nhờ lương tri còn mạnh, nên biết khước từ triết học để theo ánh sáng của lương tri, như hầu hết các nước trên thế giới ngày nay, những nước có thể phồn thịnh phần lớn do kỹ thuật hơn là do triết lý chính trị. Chính trị chỉ có đến những thiện nhân là hết cỡ. Còn C hay D là tùy có được người đương quyền giỏi nhiều hay ít.

Bậc F là những nước không còn đủ lương tri để thấy những lý luận vớ vẩn của triết học duy trí, những kết luận rồ dại của chủ thuyết hay huấn giáo bá vật, nên đắm đầu theo những ý hệ một chiều, như các nước cộng sản nay, hay các nước độc tài xưa. thì nhất định dân chúng vừa phải nghèo hèn, vừa mất hết tự do hạnh phúc.

Bậc E là những nước dám mở mắt nhìn sự thực như Tàu trước đây, và nay đến lượt Nga, đang muốn từ bỏ ý hệ Mác Lê, nhưng chưa tìm ra được chủ đạo đáng tin cậy, nên cứ ngập ngừng khi bước chân ra. Chưa tìm ra chủ đạo thì không riêng cộng sản mà cả các nước C, D cũng thế, nhưng các nước này còn nhờ được lương tri và các thói quen chính trị tích lũy với guồng máy kinh tế tự do nôi dãi, nên không đến nỗi.

Lương tri là gì ?

Thưa là sự khôn ngoan thông thường ban cho mọi người để sống đỡ, Hi Lạp gọi đó là phronesis tương đương với pragmatism nay. Với lương tri thì có thể đạt được tự do hàng ngang, như không còn nô lệ, nhưng hàng dọc thì chưa có chủ đạo. Phải với Minh Triết viết hoa, mà Hi Lạp gọi là Sophia mới đạt được cả tự do hàng dọc đối với trời cùng đất (sự thực là giữ bỏ được những ý niệm của chuyên chế về trời hay đất).

Như vậy Minh Triết không còn rờ mò như lương tri, mà có tiền đề hẳn hoi và được hệ thống y như triết lý, nhưng hệ thống trên cấp Cơ, tức cấp tâm linh tiềm thức, nên thành đạt. Còn triết học thông thường lại hệ thống trên cấp lý trí ý niệm, nên không thành công. Bởi ý niệm bóc ra từ sự vật, nên giống như sự vật : hạn hẹp, cứng đờ, không thể chỉ huy cuộc sống phức tạp hơn vô số lần. Vì thế triết học chỉ là lý thuyết suông không tác động nổi, nên đời sống phải tìm hướng dẫn nơi khác thí dụ, nơi tôn giáo, luân thường, pháp luật.

Người ta hay lẫn minh triết với tài giỏi như khoa học, khéo léo, giàu sang, nhưng đó toàn là những món chuyên môn hạn hẹp, không không làm méo mó lối nghĩ xem đã là may rồi, sức mấy mà có nổi những cái nhìn bao trùm và thâm thấu của Minh Triết.

Đó là ít điều cần nhớ khi chúng ta khởi công kiến tạo một nước Việt nam uy linh muôn thuở. Tại sao huy hiệu VL lại để 2 nét đất trên, 3 nét trời dưới ? Thừa đó là lối chúc lành cho Việt linh được mãi mãi hanh thông, tức huy hiệu xếp theo quẻ Thái : (hình quẻ Thái) đặt âm là tinh thần trên dương là vòng ngoài để trời đất ở vào trúng địa vị của mình, để mọi loài được no đầy « thiên địa vị yên, vạn vật dục yên ».

Minh Triết thường được biểu thị bằng Thần Nữ. Trong huy hiệu vẽ chim hải âu quay hướng tả hàm ý tổ mẫu Âu Cơ tái dẫn các con Mẹ đi kiến tạo một nước linh thiêng rộng như Thái Bình Dương. Nước được Mẹ Minh Triết hướng dẫn xây đắp sẽ đứng đầu bảng A. Âu Mỹ đã nhận nghệ thuật cổ sơ của Thái Bình dương (Préhistoric man by Andreas Lommel 271). Đến lượt triết thì đã được báo trước do hội nghị Honolulu 49. Nay là đợt đáp lời mời của hội nghị bằng những bước Thái Bình Minh Triết đi vào đạo Nhân, sau khi đã lang bang với Thiên đạo rồi Địa đạo.

Chú giải

Những nhà cai trị nay không thể đạt độ tế thể an bang mà chỉ là những thiện nhân. Vậy thiện nhân là ai ?

Trong Luận Ngữ (XI, 19) « Tử Trương vấn Thiện nhân chi đạo ? Tử viết : bất tiên tích, diệc bất nhập ư Thất » = Thiện nhân là những người không biết điền tích, tức không được học đạo lý chính truyền, nên khó trông thông đạt. Đó sẽ là trường hợp « thất Lý nhi nhập ư thuật » = không đạt được Lý Thái cực, nên quay ra mưu xảo quỷ quyệt, thì không sao đạt độ an bang tế thế.

F là những nước bị nạn độc tài chuyên chế không bao giờ thịnh đạt nổi, như An Độ đã chứng minh suốt 25 thế kỷ qua (có sách nói 95% dân chúng ngày được một bữa chỉ có bánh và muối, 4% giàu có, còn 1% giàu không để đâu hết của). Cộng sản nay đang chứng minh lần nữa cái chân lý hiển nhiên nọ.

CHƯƠNG VIII : TÂM NIỆM

Nước Việt Nam là nước ban ra cho tôi. Tôi sinh ra trong nước đương nhiên tôi đã có nước, dầu tôi không làm chi cũng đã có nước rồi.

Còn Việt Linh là nước tôi phải làm ra mới có, Việt Linh có là do người làm ra, càng nhiều người làm thì Việt Linh càng to, tôi là một người trong đó.

Tôi tâm niệm rằng người Việt chính tông đã nói là làm, đã khởi đầu là làm tới cùng cực.

Tôi biết rằng Việt Linh được tổ chức theo một mô thức không thể không lớn mạnh, mỗi này mỗi mạnh hơn để đi đến chỗ thịnh đạt.

Để luôn luôn tưởng nhớ tới quê hương dân tộc mà tôi yêu mến và quyết tâm tham gia vào việc cứu giúp, tôi thành tâm tuyên hứa những điều sau :

Trung thành với Chủ Đạo Việt

Coi anh em đã tuyên hứa như cùng một gia đình Au Cơ tổ mẫu, có chia ra từng đơn vị thì chỉ là để tiện việc quản lý tài sản mà thôi.

Coi mọi tiền của như tài sản chung gia tộc, sẵn sàng san sẻ để hết mọi Bang đều có thể tiến tới đầy đủ, cũng như sẵn sàng đóng góp theo quyết định của đại hội.

Nếu tôi có lòng nào bất chính thì không xứng đáng là người

LỜI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ TIÊN TỔ

Kính lạy các tổ tiên cùng anh hùng liệt sĩ. Chúng con là Miêu Duệ của Việt tộc hội nhau nơi đây trước bàn thờ của các đấng anh linh liệt tổ để tỏ lòng tôn kính thâm sâu và tri ân đặc biệt đối với các vị. Sau là để chúng con nhìn nhau trong mối tình thắm thiết đồng bào và cùng nhau luyện tập các đức tính của dòng tộc để trở nên con người Việt Nam viên mãn : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín đầy đủ, để biết sống cuộc đời tròn đầy cho bản thân, cho gia đình, cho quê nước, cho nhân loại. Chúng con cùng nhau tuyên hứa : bao lâu còn chút hơi thở chúng con sẽ không để cho tinh thần dân tộc phôi pha.

Xin anh linh tiên tổ và liệt sĩ chứng giám cho lòng thành thực kính tôn của chúng con.

HUÂN TỪ CỦA ÂU CƠ TỔ MẪU

Hỡi các con cung của mẹ.

Các con được linh hứng để đến dự những buổi học tập và làm quen biết nhau. Đây thật là một cơ duyên đặc biệt. Con mắt thường chỉ thấy đó là những hi sinh công của để lo cho ích chung, thì đây đã là một việc nghĩa trọng đại. Nhưng trong phạm vi tiên hóa thì đó còn là dấu chỉ một ơn thiên triệu đặc biệt để các con làm một việc cao cả hơn nữa là lập lại nước Văn Lang huyền sử vốn được xây trên tình yêu trung thực. Đó là một sứ mạng siêu việt và dài hơi, vì phải lập lại đạo nhân ái trong cái thế giới đầy oán ghét hận thù, lập lại nền học vấn về đạo làm người ngược với cái học thực vật đang ngự trị trên khắp hoàn vũ.

Tóm lại các con đang sửa soạn một cuộc cách mạng xanh làm toàn bằng yêu thương tương trợ, được rất ít người nghĩ tới, nên khó vô cùng. Muốn chu toàn phải rất nhiều hùng tâm dũng chí.

Vì thế các con hãy kết đoàn một cách đặc biệt mới trông hiện thực được lý tưởng. Các con sẽ làm thành một thứ gia tộc linh thiêng gắn bó lấy nhau để cùng nhau học tập, cùng nhau xây dựng cơ đồ, có thể các con mới đủ khả năng quang phục tinh thần Văn Lang huyền

sử tại quê nhà, cũng như có thể gieo rắc yêu thương ra khắp hoàn vũ.

Các con sẽ làm cho Việt tộc các con tồn tại trong phồn thịnh vinh quang cũng như góp công với thế giới đưa nhân loại vào đường hạnh phúc trung thực. Đó gọi là Việt linh mà các con đang bắt tay nhau để cùng xây đắp.

Mẹ chúc phúc lành cho hết mọi con.

Âu Cơ, mẹ của các con.

CHƯƠNG IX : NẾP SỐNG AN VUI

Bản văn sau đây đã viết bốn năm trước nay đọc lại thấy khác có chân lý đầu tiên thuộc số 2 thì đưa ra Tiến Hóa thay vì Thái Hòa. Đó là vì số 2 có cả hai điều nọ, khởi đầu là Tiến Hóa, nhưng tiến để đi đến Thái Hòa. Nên trước nói về Tiến Hóa nay nói về Thái Hòa là phong phú chứ không có gì nghịch cả. Cứ nói chung thì tiên tổ nhấn trên Thái Hòa hơn trên Tiến Hóa.

Nếp sống an vui gồm ba yếu tố là tiến hóa tính, nhân chủ tính và tâm linh tính.

1. Tiến hóa tính

Sống an vui là lối sống của người Lạc Việt, Tổ tiên chúng ta, như thấy được trên mặt trống đồng : các ngài sống như chim trời cá nước = nhơn nhơ với cuộc đời đầy sinh thú nhảy múa ca vui. Đây là lối sống thuận lợi hơn hết để đi đến cứu cánh con người. Cứu cánh đó là hạnh phúc cùng cực gọi là diễm phúc vô cùng. Lối sống an vui hồn nhiên toàn diện chính là con đường dẫn đưa đến cùng đích nọ. Muốn có lối sống đó phải hòa hợp cả với nội tâm lẫn với hoàn cảnh xã hội.

Muốn thế trước phải nuôi một quan niệm tiến hóa về con người cũng như về vạn vật. Phải thâm tín rằng muôn sự ở đời đang biến chuyển, chẳng có cái gì bền vững mãi mãi. Khi tâm thức ta đã quen với tư tưởng đó thì tự nhiên ta ít bám víu vào sự đời, vào hiện trạng. Trí ta sẽ bớt tuyệt đối hóa cái chi, bởi tuyệt đối hóa là thứ bệnh duy trí nó sẽ đẻ ra nhiều tật xấu khác như quá bám víu vào vật thể, coi mọi việc đời chỉ có thể như thế, nếu không được vậy thì kể là hỏng hết. Sự thật thì tất cả đều ở trong thế tương đối, có không, không có cài vào nhau. cái gì tốt mấy cũng có chỗ « xấu ». Xấu mấy cũng có chỗ tốt. Hai đằng nương nhau mà có. Ngay con người dù thánh đến đâu cũng phải có phần quỷ kết thành « nhân giả quỷ thân chi hội » = Người là sự hội tụ của quỷ và thần. Quỷ 2 thân 3. Đó là quan niệm căn bản. Quan niệm tương đối và tiến hóa sẽ giúp ta có thái độ thanh thoát mềm dẻo đối với đời : không bám chặt vào bất cứ cái chi, như của cải, danh giá, chức quyền, không hề coi những thứ đó là tất cả cuộc sống, làm nên ý nghĩa cuộc đời. Quan niệm như thế sẽ phá hỏng cuộc sống an vui, hạnh phúc.

Tâm hồn người sống an vui tự nhiên mở rộng hơn nhiều nên xem thấy được nhiều khía cạnh của toàn diện : hỏng chỗ này còn chỗ kia. Tục ngữ nói : « đấm đò tiện thể rửa tròn », câu đó có ý nói rằng dù lúc rủi ro đấm

đồ người sống an vui ít nghĩ đến ướn quần áo, nguy hiểm, chết người, mất đồ đạc, mà nghĩ đến những chỗ có thể dùng của tai nạn. Áp dụng vào cuộc di tản, thí dụ, người sống an vui sẽ không mất thì giờ vào việc than trời trách đất, oán giận lung tung, mà « bắt oán thiên, bắt vuu nhân » đặng dồn tâm trí vào việc tạo dựng đời sống mới, đón nhận những cái hay mà hoàn cảnh mới đem lại. Biết rằng mọi sự đều đổi thay nên chẳng bám mạnh vào cái chi cả, chẳng có gì là tuyệt đối. Biết thích nghi thì từ cái dở cũng có thể kéo ra được cái hay.

2. Nhân chủ tính

Mọi sự đều trôi qua không gì đáng quý tận cùng, nhưng trong vũ trụ có một cái đáng quý trọng nhất là con người. Con người đáng trọng hơn hết mọi vật ở chỗ người là tạo tác viên : cái gì cũng tự tạo ra, cũng tự làm lấy. Con vật sinh ra đã có lông mao lông vũ, làm áo làm quần, của ăn đã sẵn khắp nơi... nhà cửa là « màn trời chiếu đất » khỏi phải lo làm, vì cũng chẳng biết làm cái chi. Con người thì khác, sinh ra trần trụi, mọi cái phải lo lấy = tự miếng cơm, manh áo, nhà ở cho đến đi đứng. Lại còn cố bước lên những bậc cao hơn như văn hóa, biết làm thơ, làm nhạc, biết ca vũ múa nhảy. Rồi còn tiến nữa lên đến chỗ « chí thành như thần » hóa ra nhân

thần : phối hợp với thiên với địa.

Từ quan niệm coi trọng con người đó, nó sẽ hết sức tự trọng chính mình bằng cố gắng trở nên con người trung thực, con người chính nhân quân tử. Quân tử là bước đầu, bước sau là thánh nhân, rồi đến thần nhân là cao nhất. Con người phải tiến tới chỗ cực cao trọng đó.

Do quan niệm coi trọng con người nó phải coi trọng những cái thuộc về người, trong đó phải kể trước hết tới lời nói. Quân tử phải là người trọng lời mình : đã nói sao là giữ như thế. Đó là dấu rõ nhất biểu hiệu đức tự trọng. Đức đó kéo theo những đức khác như 4 đức đề giữ nước gọi là « tứ duy » là lễ, nghĩa, liêm, si. Người tự trọng chú tâm phát triển cả 4 đức trên. Việc đó bao gồm mọi cơ ngấn con người thường được quy vào 3 mục là ý, tình, chí.

Ý thuộc lý trí phải đi đến chỗ lý trí, hiểu thấu triệt sự vật. Khi đi đến cùng cực sẽ thấy vạn vật đều kết bởi 2 khí âm dương, nó đọng đưa uyển chuyển biến hóa ra muôn vàn cách, thế mà lại làm nên một vũ trụ nhất thể. Đó là điều các triết học một chiều không thấy, nên chẳng giúp ích chi cho đời. Vì không biết toàn tri = chu tri, nên không biết nối các việc vào nhau : nối từng công việc lẻ tẻ vào nguyên lý cùng cực, hoặc từ nguyên lý cùng cực đi xuống đến từng việc thông thường. Đây là

tác động cao nhất của tâm thức. Làm được như vậy thì gọi là đạt Minh triết. Minh triết giúp cho ta dễ trở nên con người toàn thể, biết quy kết mọi cử chỉ hành vi quy về một mối, nên rất sâu thẳm làm nên con người Đại ngã tâm linh.

Tình phải được đôn hậu cho thắm thiết và nồng cháy, cũng như phải thanh lọc cho nên trinh trong. Lúc ấy nó sẽ mở ra rộng rãi minh mông, bao khắp loài người, chữ nho gọi đó là « ở chỗ rộng hơn hết trong loài người » (cư thiên hạ chi quảng cư) tức chí khí phải cương nghị, không gì có thể lay chuyển; nghèo đói không làm liều, oai võ không thể làm khuất phục : « phú quý bất năng dân, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất ». Được như thế thì có ngày nó sẽ đạt đến « vũ trụ chi tâm » để nói như người xưa rằng : « Vũ trụ nội mạc phi phận sự. Nhân gian đảo thử thị anh hùng ».

Tất cả cái gì xảy ra trong vũ trụ cũng được coi là phận sự của mình phải lo. Đến được như thế là anh hùng, là thánh nhân, là thần nhân, tức đạt cứu cánh của con người.

Tự trọng kéo theo lòng kính trọng tha nhân. Nếu con người đáng trọng thì mình phải tự trọng trước hết rồi đến trọng tha nhân. Ngược với tinh thần trọng tha nhân là óc coi người khác như sự vật tức coi thường, coi

khinh và nhất là bóc lột, lọc lừa mà độ thấp nhất là chế độ chủ nô. Người chủ coi nô lệ của mình như đồ vật hay bày thú trong nhà dùng để phụng sự cho mình. Tuy nay chế độ chủ nô đã hết nhưng còn những nấc trung gian như lừa lọc chèn ép... cần phải vượt qua dân. Chính nền triết học duy lý đã gây nên những đợt đó làm cho mối liên hệ con người với nhau trở thành liên hệ giữa người với vật, tiếng Mỹ gọi là liên hệ « ta với cái ấy : I That », tiếng Pháp kêu là « Je et Cela ». Phải cố thay vào bằng liên hệ giữa người với người gọi là « I-thou » và « je et tu » bao hàm tình thân giữa hai người, nên cũng gọi là « liên chủ thể » (intersubjectivity) = hai người là chủ thể ngang nhau, không ai kém ai cả. Muốn vậy phải vượt qua vỏ ngoài lý trí để đi vào tình trong. Nói cụ thể là một người bị ta coi thường là khi ta chỉ xem có những cử động kiểu tâm lý động ứng (behaviorism), chỉ căn cứ vào những động ứng bên ngoài, nhưng nếu ta vượt qua lớp vỏ ngoài bằng tiếp xúc thân mật, ta sẽ hiểu được những cảm tình cao thượng, những ý định tốt lành đang là những động lực chỉ huy các động ứng bị coi thường kia, lúc ấy ta sẽ thấy người ấy đáng trọng hơn nhiều lắm.

Phương chi khi ta thấu hiểu tận cùng gốc rễ của con người, ta sẽ biết đó là những ánh linh quang của Thượng Đế thì càng thêm lòng trọng kính hơn nữa. Trong khi

chờ đợi được chỗ nọ, ta hãy giữ lời Thánh Kinh « chớ có xét đoán ai », vì xét đoán thường chỉ căn cứ trên một vài động ứng bề ngoài mà không kể chi đến cái toàn thể của tha nhân, gồm nào là nền giáo dục khác, môi sinh khác, tính tình khác hẳn. Nếu chỉ căn cứ vào có động ứng nhất thời mà xét đoán thì giống người mù xem voi, sờ được cái tai thì bảo voi như cái quạt, sờ được đuôi thì bảo voi như cái chổi v.v... tất cả đều sai. Ngày nay ta quen nghe hai chữ « quan điểm » là có ý nói lên rằng mỗi cái nhìn chỉ đúng ở một góc cạnh nào đó, ở một quan điểm nọ, mà không đúng ở quan điểm kia. Nên quan điểm cũng là một đề tài của liên chủ thể nhằm làm tăng trưởng óc trọng tha nhân.

Trọng người thì phải lấy chữ Hòa làm quý. Việt Nho quen nói « dĩ hòa vi quý » là có ý đó. Muốn hòa thì phải nhẫn nhục. Tiên nhân bảo « một sự nhịn bằng chín sự lành ». Người nào nói một câu trái ý ta có khi đến xúc phạm, tốt hơn hết ta nên nhịn nhục, nếu là người tài ba thì nói một câu khôi hài làm cho cả hai cười xòa, quên sự căng thẳng lúc trước. Biết dùng lối hí hước mà hòa giải những tình trạng căng thẳng, lại còn làm cho đời vang thêm tiếng cười vui thì đó là nghệ thuật tối cao, đáng quý vô cùng. Nhưng ít người với tới được độ nọ. Thôi thì cố theo câu « hòa nhi bất đồng », tuy ta không đồng ý kiến, nhưng ta vẫn cố hòa là tỏ ra biết trọng

quan điểm của người khác. Cố bỏ óc trả thù, nó chỉ làm thỏa mãn thú tính được một lúc. Trái lại hiện thực được đức tương dung, bất báo oán thì sự vui sẽ kéo dài có khi mãi mãi, nhiều lúc còn lan tỏa đến người ta thù. Cao hơn hết là « dĩ đức báo oán » ta nên coi đó như một lý tưởng sẽ đưa ta đến độ sống như chơi.

Con người nhân chủ yếu hoạt động, coi hoạt động là yếu tố cấu thành con người, nên định nghĩa người là tác viên : cái gì cũng tự tạo tự làm ra hết. Có 2 điều làm con người không được ngơi nghỉ : một là vũ trụ quan động, mọi sự, mọi tình thế đều luôn luôn biến chuyển, không gì giữ nguyên trạng mãi thế, nên luôn luôn phải tỉnh thức, phải hoạt động để thích nghi với tình thế mới. Thứ đến vì là vũ trụ tiến hóa nên không có mục tiêu cuối cùng. Cái gì đã đạt được cao nhất rồi cũng phải vượt qua, ít ra dưới hình thức khác, nên đời sống luôn luôn hàm chứa tình trạng thách đố, bắt con người phải tiến hơn, phải cố gắng nữa. Có tiến con người mới được hạnh phúc, vì thế người ta gọi người là kẻ hành hương liên tục để đi về với cái toàn thể luôn luôn lùi bước trước mặt mình.

Quan niệm như thế mới đúng con người được định nghĩa là một tác viên, một thực thể thành bởi những tác động. Tác động cao cả tinh tuyền hơn hết thì Việt Nho

gọi là an hành. Người nhân chủ phải đạt tới an hành tức thấy việc đáng làm là làm chứ không làm vì lợi lộc như ở đột lợi hành, hay vì sợ như ở đột cường hành. Đây không nói về việc ăn làm vật chất vốn gắn chặt với lợi lộc và bó buộc. Tuy nhiên những việc đó chỉ được chiếm 2 phần 5 gọi là 2 đất. Còn 3 phần phải dành cho những việc để thành nhân linh. Đó gọi là 3 trời. Phải đưa vào đây tám lòng thanh thoát : làm cốt để thành nhân như những việc công ích vì dân, vì nước, những việc vì nghĩa. Bởi thế, tuy thanh thoát nhưng tự nhiên lại thành khẩn hăng say để làm. Nếu không có những việc vì nghĩa thì ít ra phải làm những việc không có lợi lộc vật chất như chơi cờ, làm cảnh, làm thơ v.v... Đó là những việc an vi rất cần thiết, vì bản tính con người là tạo tác, nên muốn sống an vui chân thực phải đeo đuổi một việc gì. Nếu không cao cả như tu tâm dưỡng tính hay những việc đại nghĩa như cứu quốc kiến quốc thì cũng phải là những việc giải khuây : làm thơ, viết chữ, chơi cờ, vẽ khắc, đủ loại hobbies nó giúp cho tâm trí lui ra khỏi vật chất để sống như chơi.

Người nhân chủ phải lo cho gia đình. Lo cho gia đình đã là bước đường hiện thực tha nhân đầu tiên để làm hơn hết, nó tập cho quen bước để tiến lên những đột cao hơn. Tiền nhân ta quen nối liền nhà với nước bằng thành ngữ « nhà nước » là cốt nói lên con đường tiến thủ phải

như thế : hết việc nhà đến việc nước. Việc nước phải coi như việc nhà mới là con người đi đúng đường tiến hóa. Phần nhiều trí bị ứ đọng lại đọt gia đình, chỉ biết vinh thân phì gia mà bỏ hẳn cấp nước. Đường tiến toàn triệt phải là thân, gia, quốc, hay là tu thân, tề gia, trị quốc mới trọn đạo, đời sống mới kể là tròn đầy viên mãn.

Nhiều người không hề lo cho nước mà chỉ lo làm giàu, không biết vượt nhu cầu « hàng ngày dùng đủ », không biết đến chữ « tri túc » nên chú tâm trọn vẹn vào việc gây dựng cho con cháu gia tài đồ sộ, không biết rằng lo như thế vừa làm cho mình không đi hết con đường tiến tự nhà đến nước, mà còn làm con cái mình mất dịp tự mưu sinh tức là bỏ mất công tác tốt nhất đệ: « vi nhân ». Ông Ford hiểu điều ấy nên trước khi giới sản nghiệp kénch xù cho con, ông bắt con phải đi kiếm ăn bằng cách đến đánh giày ngay trước hăng của ông. Rồi ông cũng chỉ giới cho con một phần gia tài sau khi đã chia sản nghiệp cho các công cuộc văn hóa, từ thiện. Đó là để đức cho con. Để đức cho con mới là chính, chứ chỉ để của cho con nhiều quá có hại về đường tu tiến của chúng cách lâu dài.

3. Tâm linh

Con người không chỉ là cái ta ngoại thành bởi tiểu ngã bé nhỏ, mà còn là Ta nội thành bởi Đại ngã tâm linh. Nhưng bao lâu ở thế trần thì rất hiếm khi Ta ngoại nhìn ra được Ta nội. Sứ mạng con người là phải nhìn ra được Ta nội cao cả đó. Biết sống theo những điều chỉ dẫn trên về ý, tình, chí, chính là con đường dẫn đến phút giao chỉ uy linh ở Cánh Đồng Tương nơi « Mẹ Au gặp Bố Lạc ». Đó chỉ là cách nói bóng chỉ việc ta ngoại gặp Ta nội. Nên nhớ rằng tư tưởng vũ trụ quan động đong đưa giữa hai thái cực « có không, không có » làm cho mọi sự trở nên tương đối vô thường, giúp rất nhiều cho tâm hồn đi đến chỗ coi nhẹ mọi cái đời này. Đó là cách dọn đường rất tốt để gặp được Ta nội. Vì thế mà có những phép xả bỏ, tọa vọng...

Xả bỏ làm cho tâm hồn thanh thoát, không để nó bầu vùi vào đời.

Tọa vọng của Nhan Hồi ngồi mà quên đi, quên hết dĩ vãng, quên cả lo âu về tương lai để cho tâm hồn lặng động trở nên trống vắng dọn chỗ cho sự nhô lên của Tâm Linh. Đạo Trống của tổ tiên ta nhằm chỗ đó : làm cho tâm hồn trở nên trống vắng là dọn chỗ đón nhận những phút thần hứng uy linh man mác.

Ghi chú gửi tới những tâm hồn văn hiến.

Mấy bài trên đây chỉ là cái sườn, nhưng là cái sườn căn bản về dân tộc. Tất cả ăn chịu với nhau : từ bài IV về nguồn cội với hai chữ Tiên Rồng, đến bài V tên Việt được khắc vào di vật với bộ số hàm ngụ trong Sách ước, rồi đến Gậy thần, hiện thân vào chiếc Trống Đông Sơn. Thật là Minh triết một cực. Tất cả hợp lực biểu diễn cách chói chang nền Minh triết dân tộc cách kỳ diệu. Đọc đi đọc lại cho kỹ sẽ thấy nó thực là Thái triết ưu việt vô song. Rồi ta lại thực tập bằng áp dụng vào việc thử lượng giá các nước trên thế giới để những bài học đuổi chân xuống thực tế dần.

Sau đó cần đọc mấy sách trong bộ cho « cái sườn » ngày thêm gân thêm thịt cho đúng với chữ huấn luyện triết, chứ triết không là tiểu thuyết đọc qua cho thỏa óc tò mò, mà để cho cả ý, tình, chí đều đi dần đến chỗ cùng cực có thể.

Cần đọc bộ triết An Vi trước đã cho thấu suốt một nền triết đến nơi, rồi sau mới nên đọc sang các sách khác, để tránh tai họa « đa thư loạn tâm ». Về bộ triết An Vi thì bang Hưu Tâm đã lãnh trách nhiệm săn sóc, anh em dự tính sẽ in lại toàn bộ trên ba chục cuốn. Hiện đã in tới quyển thứ 6 là Dịch Kinh Linh Thể.

C. PHỤ TRƯỞNG 1 & 2

HUYỀN SỬ

a. Huyền sử là gì ?

Sử ký chép những việc đã xảy ra thực sự, thường là những việc có tính cách công cộng và chính thức, nhưng hầu hết là thông thường, trống rỗng. Dĩ sử kể những việc vụn vặt coi như ngoài rìa, nhưng nhiều khi giúp nhìn sâu vào ý nghĩa hơn. Tuy nhiên cũng như sử ký đều thuộc hình nhi hạ, tức không vượt lên trên hình thể của hiện tượng, như khi đọc thấy mẹ đẻ cái bọc trăm trứng thì liền chối bỏ, cho là vô lý : người gì mà đẻ trứng, nhất là đẻ một phát những trăm trứng ! Nói thế là tại không cất mình lên khỏi cõi hình thể. Nếu cất lên được thì gọi là Hình nhi thượng, bên trên cả sự lẫn lý, không còn hữu lý với vô lý nữa, vì đã siêu lý rồi.

Có hai bậc siêu lên : một là cái nhìn triết sử không còn bám vào những biến cố cá thể mà đã hé nhìn ra cái mô thức chung của những biến cố, những dự án, những tính toán, trù liệu, đó là những vũ trụ quan, hay nhân sinh quan. Tuy cao hơn sử ký nhưng chưa đi hết đường, phần lớn vẫn còn là mắt như chữ « quan » trong vũ trụ

quan nói lên điều đó. Phải vươn xa khỏi con mắt nữa, vào đến cùng cực. Chí Trung thì sẽ đạt Chí Hòa và bây giờ sẽ không những quan sát với con mắt mà cả tim gan tì phế, đều quan, đều tham dự, nói bao quát là Vũ trụ chi tâm, và lúc ấy ta có huyền sử, một thứ tâm linh sử quan, có tính chất bao la toàn diện, làm cho ta cảm thấy tâm mình thâm thấu và bao la như vũ trụ, và vũ trụ là tâm mình.

Như vậy cái làm nên huyền sử không là những biến cố nhất thời, những sự kiện lẻ tẻ, mà là những cái vô hình vô tượng, những ý nghĩa, những tâm tình, những xúc cảm của những con người làm nên các sự kiện ấy, mà muốn thấy được thì phải vượt lên trên hình thể gọi là hình nhi thượng. Như vậy cái khung huyền sử không là những biến cố nhất định mà là những thể nghiệm về trời, đất, người, những mẫu mực lớn lao cao cả để hướng dẫn cuộc sống. Hiểu theo nghĩa đó thì những trang huyền sử Việt tộc hiện lên trong ánh sáng chói lói lung linh, chẳng hạn như truyện Bàn Cổ lớn mắt hút vào mây trời, chân lún sâu xuống đất nói lên ý nghĩa cao cả trong câu nói : nhân giả kỳ thiên địa chi đức, hoặc truyện Nữ Oa đội đá vá trời... toàn những việc có tầm vóc vũ trụ. Có thể gọi đó là vũ trụ quan và nhân sinh quan nhưng là nhân sinh quan của nhân chủ kéo theo tác hành : trời đất do con người làm ra, hay là xếp

đặt, chứ không nhìn nhục cách thụ động trong đó.

Do đó ta thấy chức năng của huyền sử, nó cho ta những cái nhìn bao trùm cả trời lẫn đất, cả có lẫn không, là những điều ta không thể có với sử ký. Học huyền sử chính là học triết cách chính tông, nó làm cho tầm nhìn người học mở ra mệnh mông bát ngát, khiến cho những sự việc và những biến cố kém hẳn sức nặng đi. Đó là điều giúp nhiều cho tâm hồn trở nên an tĩnh không coi ngoại cảnh nặng như trước nữa.

Đây là căn do giải nghĩa tại sao nước Việt giàu nhân thọ hơn đâu hết là nhờ môi sinh gây dựng nên do những nhân thọ lấy lòng như Bàn Cổ, Nữ Oa, Au Cơ tổ mẫu. Đó là thứ môi sinh của tâm trùm cảnh, tức người đã không bị sự vật sai sử thì chớ lại còn đứng giữa trời đất mệnh mông để mà điều động xoay vần vũ trụ : nhân giả Ngũ hành chi đoan dã. Thật là một nền nhân chủ oai phong凛冽 không thể cao hơn được nữa.

Đây là về hàng dọc đối với trời cùng đất. Còn về hàng ngang ta cũng thấy sức tự cường tự lực đó tràn xuống bằng hiện tượng chính dân mới là chủ của nước, xưng mình là quốc dân : không cần vua. Lịch sử nước không là lịch sử của triều đại mà là lịch sử của những anh hùng văn hóa. Thật xứng danh là Văn lang huyền sử hay là văn hiến chi bang của lịch sử.

b. Áp dụng vào huyền sử Việt Nam

Sự Hình Thành Nền Minh Triết Việt Nam

(Trình bày theo siêu hình, huyền sử và cổ nghệ.)

Mẹ Au Cơ đẻ cái bọc trăm trứng. Lúc trứng nở ra con rồi thì Mẹ đưa 50 con lên núi, còn 50 con theo cha xuống biển. Lâu lâu bố mẹ gặp lại nhau trên cánh Đồng Tương.

Trên đây là tóm lược ít trang huyền sử lập quốc cao thâm vô cùng. Diễn bằng siêu hình thì bọc trứng là thái cực, 50 lên núi, 50 xuống biển là lưỡng nghi. Lưỡng nghi cũng được biểu thị bằng con sông Tương chảy xuyên qua suốt dòng sử mệnh Việt Nam. Chính sông Tương đổ vào hồ Động Đình đã làm nên cái nôi đẻ Mẹ ru con của Người :

Gió Động Đình Mẹ ru con ngủ.

Sông Tiền đường ấp ủ năm canh.

Tiết thu lạnh lạnh lành lành.

Cỏ cây khóc hạ, hoa cành thương xuân.

Bồng bồng bồng. Bồng bồng bồng.

Võng đào mẹ bế con rồng cháu tiên.

Gió Động Đình thổi lên từ sông Tương nước chảy hai chiều trái ngược, chảy vào hồ cũng trái ngược : hồ tròn đình vuông, nhưng nhờ có cái động trống rỗng nên dẫn trái ngược mà vẫn hòa hợp được với nhau để làm nên cảnh Đồng Tương. Đó là cái nội siêu tuyệt của Con Người đại ngã tâm linh đặt trên trục phân làm cho yên giấc điệp. Nhưng rồi có những cơn gió hạ thổi qua từ trục chí làm con trở mình trần trọc.

Cỏ cây khóc hạ, hoa cành thương xuân.

Thế là mẹ lại cất tiếng ru cho con chìm sâu vào giấc điệp.

*Bồng bông bông. Bồng bông bông.
Võng đảo mẹ bế con rồng cháu tiên.*

Rồi con lớn dần mẹ phải nghĩ tới baby sister. Đem gửi Tây Vương Mẫu chẳng ? Mẹ nghĩ đến vì có chữ mẫu nhưng lúc hỏi lại thì té ra bà thuộc cùng luồng gió tây bắc, mà không phải Nam Phong. Nhất thứ lại nghe tin bà ta có luyện được thuốc trường sinh chi đó mà Hậu Nghệ xin được ít viên đưa về vợ ăn phải bụng sinh bong bóng bay tuốt lên cung trăng, bạn với bọn cuội toàn giống phỉnh lừa. Rõ ràng loại du mục tây bắc hạng nặng, đến nỗi truyền thuyết nói bà có răng hùm, tóc sói chi đó. Như vậy thì Mẹ đâu dám gửi con, nhờ sau nó lấy

óc du mục, rồi mới làm sao đây.

Cuối cùng Mẹ phải gửi con nơi bà nội. Nội khen lấy khen để. A ! cháu Việt của Nội ! Cháu kháu khỉnh quá. Vừa nói nội vừa bế lấy cháu mà nựng : rằng đây là cháu vàng cháu ngọc của nội, nhưng kỳ này nội bận công việc vá trời bị ba cái thằng điếm hủ đi rước triết tây bắc về làm những cột chống trời hư bọn, thành ra Nội bận mất hai ngày 1 và 4, còn rảnh được các ngày 2, 3, 5. Thôi Mẹ nó để Nội săn sóc cho, được ngày nào hay ngày ấy, mong sau này cháu nôi được cái chí lập bề rồi non của Nội.

Khi bé Việt lên năm Mẹ dẫn đến trường mẫu giáo của Nữ Thần Mộc nổi tiếng biết dạy làm nhà chữ Đinh. Nhà chữ Đinh chính là nhà Thái Thất, có nghĩa là nhà trên các nhà, làm cho người ở trong có cả đức trời, đức đất và đức người, nói tắt là nơi ở của Con Người đại ngã tâm linh. Vì thế mà chỉ bằng nhà chữ Đinh. Can Đinh đi với cung Thìn là rỗng, tức là bước vào cõi linh thiêng siêu giác (trong triết lý An Vi hể nói tới vô hình là nói tới linh thiêng) bởi rỗng có ai thấy bao giờ đâu, nên rất tiện để biểu hiệu bên ngoài, còn bên trong thì phải là đi vào nội tâm. Điều đó được chỉ định bằng can Đinh vì nó đi liền trước hai can Mậu Kỷ, có nghĩa là làm cho mình tốt tươi hùng mạnh. Muốn thế thì cần phải làm

cho lòng trở nên trống rỗng. Điều đó được chỉ bằng hai can không có địa chi nào theo để chỉ đạo trống rỗng : lòng không còn dính bén những cái bé nhỏ. Khổng Tử được tế vào ngày Đinh tháng 2 và 8, tức vào hai tháng đầu mùa xuân và thu để hàm ngụ rằng con người cao cả là con người đã làm cho tâm trí mình trống trơn khỏi mọi tư kiến tư dục để trở nên thái công vô tư (Không có nghĩa trống rỗng lớn lao).

Mẫu giáo xong thì mẹ gửi bé Việt đến trường Bích Ung. Bích là viên ngọc tròn, ung là ao : trong ao tròn có cái nhà vuông, rập mẫu động đình hồ là mẹ tròn ôm con vuông. Thầy dạy là các bô lão, vì không những dạy thành công mà cả thành nhân, nên giáo viên được tuyển trong các bô lão là những vị đã chín mùi đời, nhân tình thế thái đã thấu tỏ. Tuy gọi là dạy múa nhảy nhưng thực sự là dạy múa ở đời tức là dạy đường đi nước bước sao cho hợp đạo.

Các cháu nghe đây : qua sẽ dạy các cháu hát trống quân. Các cháu hãy chia ra hai bè nam nữ như hai đội quân, rồi cũng bắn nhau nhưng không bắn đạn mà bắn hoa, bắn tình, bắn liếc yêu, bắn dọ thám mỗi tình đang chớm nở. Phải ý tứ và trí phải lanh. Mấy cháu trai phải nhớ hai điểm :

Thứ nhất phải nhường bé nữ, ve trước cho đúng luật âm trước dương.

Thứ hai phải đề trí vào câu hát, kéo nhỡ không đối kịp âm thì kể là thua : chốc nữa chớ trông bơi qua sông để cùng các cô đập thanh đập thiếc gì đó. Và liệu mình đánh mất chữ Tương.

Trong lúc hát phải nghe nhịp trống đất để đối với tiếng trời. Đó là một lỗ đào dài xuống đất, trên có chằng sợi dây trời. Người ta đánh trên dây những tiếng thùng thình để giữ nhịp cho hai bè chuyển động như mình rần, có lúc tràn sang bên đối phương, mình không ngăn kịp là thất trận.

Sau bài ca múa nhịp hai (trống quân) thì đến bài nhịp ba gọi là :

Lưỡng lưỡng tham tham = vài vài ba ba.

Tức là 2 hàng 3 người đi lại uốn lượn cho ra đủ thứ hình, mà căn bản hơn hết là hình số 5 thành bởi 2 người cái ở giữa chập một, 4 người con xoay quanh. Lúc thì lượn thành vòng tròn như cái sàng :

Bằng cái sàng ba làng ăn không hết.

Khi thì tản ra với câu :

Li hương vật bội tỉnh.

Di tản khắp nơi mà chớ phản bội giếng làng. Để được như vậy thì phải đọc thêm câu Kinh Dịch rằng : « Bàng hành nhi bất lưu » (hệ từ 4) đi chung quanh mà không theo lưu tục. Thôi thì muôn ngàn kiểu nhưng luôn luôn bám sát mô dạng cơ cấu là đối đãi giữa vuông với tròn, có với không... Minh Triết nằm trong chỗ đó. Chính nó làm nên năng động tính của các cô cậu, để nói lên tính cách lung linh biến hóa của đạo, nên cũng gọi là Ngũ hành, tức tiến về hành Ngũ, là hành đại biểu cho Vô thể, Vô biên, cội rễ muôn loài.

Xong 9 năm (con suối Cừu Lạc) trung tiểu học Bích Ung thì mẹ cho Việt lên Đại Học ở Cổ Quận Long Trang, nên Việt phải theo chân chú vượt biên. Trước hết phải trải qua bao hàng rào công an mật vụ mới tới được bãi lên thuyền, còn đang ngơ ngác thăm dò thì ông chú đã đẩy ngay Việt xuống nước. Vậy mà Việt không bới rối, còn bơi lội nhẹ nhàng, ngụp lặn cách thích thú và do đó Việt nhận ra dòng tộc mình đều phát nguyên tự nước. Chỉ ít phút sau thì đã tới thủy phủ gặp Đức long quân. Sau khi hong khô quần áo thì Việt được test bằng giao sách cho đọc. Chèng dec ơi ! Có một chữ nào đâu mà đọc với điếc gì được hả chú ? Vậy mới phải test để xem trình độ hiểu biết của cháu về cái học của Việt tộc. Nó

khác với cái học ngày nay chỉ có một chiều, còn Việt học thuộc loại « chu tri » gồm cả Hữu cả Vô, và chính vì vô nên mới có loại kinh vô tự, là sách không viết bằng chữ nhưng bằng vài tượng hình hoặc số độ như Kinh Dịch chỉ có hai gạch. Sách ước cũng thuộc cùng loại. Cháu cần tìm ẩn nghĩa (genotexte) theo Cơ cấu luận, của lối chu tri chuyên dùng nhiều biểu tượng. Thí dụ đây là Sách Ước. Cháu có thấy gì chẳng ? Thừa có hình như là rừng cây với một đồng lửa. A ! cháu hiểu ra rồi đó cũng cùng ý nghĩa như điệu « lưỡng lưỡng tham tham » chứ gì. Đột nhiên Việt nhận ra bí thuật của Sách Ước, nó nằm ngay trong bộ số « vài ba tham lưỡng » như Au Cơ tổ mẫu đã nhiều lần nhắc nhở. Và thế là Việt nắm được đầu mối tất cả trình sử của dòng tộc.

Sau khi biết rõ tuổi Việt sinh năm Giáp Dần, tính ra gần 23 tuổi, lập tức Lạc Long Quân thu xếp hành lý theo hai chú cháu về Phong Châu để làm lễ gia quan cho Việt.

Gia quan là lễ đội mũ cho con khi con đến tuổi thành nhân. Lễ này mang đầy ý nghĩa nhân chủ, vì là lễ mà mẹ cha trả lại con cái quyền làm chủ vận mệnh mình. Lúc còn nhỏ chưa biết sử dụng quyền ra sao thì cha mẹ tạm giữ. Nay con đã lớn khôn thì mẹ cha làm lễ Quan để trả lại cho con quyền đó. Quan là lễ đội mũ vì ngày

đó cha mẹ đội lên đầu con cái mũ để biểu thị rằng : từ nay con đã khôn lớn, được giữ cho đầu óc độc lập, tức là được tự quyền định liệu về vận mệnh của mình. Tuy sau lễ quan con cái vẫn vâng lời cha mẹ, nhưng không vì cha mẹ còn quyền trên mình, mà vì mình biết ơn cha mẹ.

Xưa kia lễ này gọi là lễ thành đinh, vì chữ đinh có nét đứng thẳng chống đỡ nét ngang (như chữ T) để chỉ sự tự cường tự lập và sự linh thiêng chứ không chỉ có nét ngang chỉ sự ỷ lại vào mẹ cha và vật thể như trước. Vì thế nhiều nơi có đánh đòn theo nghi thức để tỏ con người đến tuổi thành nhân phải can trường trước mọi gian truân : có khó khăn đau khổ cũng không được thoát chí sồn lòng. Vì thế lễ gồm các cuộc thi : thi chạy, thi khỏe, thi khéo léo... Nhiều nơi tổ chức lễ theo lối điếm đạo, thí dụ ở những đảo Yabim, Bukua, Papua... người ta làm hình chim rắn bằng những thứ cây mềm (như cây mây) đan thành hình giao long với cái miệng rất rộng đủ nuốt lọt một người. Người ta gọi tượng đó là Kopiravi, chung quanh tượng có giắt lông chim, nên ta biết đó là tượng chim rắn.

Đến giờ hành lễ người ta bỏ trẻ được chịu phép vào miệng Kopiravi, rồi đánh chiêng trống inh ỏi đoạn đưa trẻ được mưa ra sau khi đã thấm nhuần đầy linh lực của

con người cao cả gọi là mana. Hình Kopivari tương đương với hình Thao Thiết mà người ta quen gọi là đồ đồng đời Thương. Sự thực Thao Thiết là một thứ hình thần chim rắn của Việt tộc dưới tên là Cửu Lê. Lâu ngày người ta không hiểu ý nghĩa mới gọi Thao Thiết là kẻ háu ăn, và thường dựng bức tường có hình Thao Thiết trước cửa công quyền, gọi là « giới bích » để răn những kẻ tham những đừng ăn tiền kéo cái miệng sẽ bị ngoặc ra xấu thế đó. Sự thực thì đó là tượng vật tổ chim rắn mở miệng để ăn người được điểm đạo hầu truyền linh lực cho. Vì thế sau Thao Thiết giải thể nhiều lần để biến ra chim rồng qua văn Quỷ long (xem The Mothers của Briffault 1927. Bản tóm của Gordon Batray Taylor. Ed. George Allen & Unwin 1959 p.323...)

Lễ gia quan với lễ thành đinh có thể nói là đại đồng tiểu dị. Lễ thành đinh thuộc giai đoạn văn hóa nên ít lời nhiều nghi lễ và tác động, còn lễ gia quan thuộc giai đoạn văn minh nên ít nghi thức mà thêm lời. Lời trước hết là tên Tự được mẹ cha giúp con chọn, vì tên Tự là cả một chương trình đời sống, thí dụ tên Việt thì ý nghĩa là phải luôn luôn vượt lên thế nào mà không mất chân đứng ở chỗ cũ để đạt cái thế lưỡng nhất : hai mà một, thì mới đạt lý tưởng của văn hiến chi bang là nước của những người có Minh triết. Tên Việt như vậy là tên Tự vì nó bao gồm lý tưởng của dòng tộc như có hình khắc

trong cây Việt : trên có hai giao long, dưới có ba người đeo lông chim nói lên tính thể của tộc Việt. Tính đó phải là lưỡng nhất : vừa phải tuyệt cao biểu thị bằng tiên trên đỉnh núi (ngũ lĩnh = năm đỉnh núi tức cao hết cỡ) vừa phải triệt hạ biểu thị bằng rồng sống dưới đáy biển. Đó chính là Tính con người cao cả, vì thế mà trong lễ gia quan cha nói với con những lời sau :

Cư thiên hạ chi quảng cư.

Lập thiên hạ chi chính vị :

Hành thiên hạ chi đại đạo.

Đắc chí dữ dân do chi.

Bất đắc chí độc hành kỳ đạo :

Phú quý bất năng dâm,

Bần tiện bất năng di.

Oai võ bất năng khuất

Thử chi vị đại trượng phu. (Mạnh tử IIIb.2)

Đó toàn là những lời cao cả diễn ý hàm ngụ trong năm hình tiên rồng : « cư thiên hạ chi quảng cư » có thể biểu thị bằng Thái Thất. Đó là nhà trên hết mọi nhà. Con người phải ở trong đó mới hợp tính mình gồm cả trời cùng đất. Việt Nho hay chỉ sự thành đạt bằng câu «nhập ư thất ». Người nào đạt được thế thì kể là đã hiện thực được Tính người, đã biết « cư thiên hạ chi quảng cư ».

Sau lễ Gia quan thì đến vụ tiếp nhận Gậy thần để làm như bửu bối hành động, mà sau Nho gọi là « đạt tắc tông chính ». Học mà thành đạt được thì phải đi ra làm ích cho đời. Mà đã đạt chu tri gồm cả triệt thượng lẫn triệt hạ như Sách ước yêu cầu thì nhất định thành công nên gọi là Gậy thần. Sách ước có số 5 chỉ ngũ lĩnh là lý tưởng cao hơn hết, thì Gậy thần phải bao khắp thiên hạ. Do đây tiền nhân biểu thị Sách ước bằng 5 số sinh là 1, 2, 3, 4, 5 và Gậy Thần bằng 4 số thành 6, 7, 8, 9. Ghép hai bộ số lại thành Cửu Lạc. Các đồ án thành bởi 9 bộ số đó đều mang ý nghĩa như Gậy thần, thí dụ Hồng phạm, Cửu trù, Hà đồ, Lạc thư. Ông Vũ đức cửu đỉnh (mà đỉnh phải có 2 tai 3 chân để đúng số Sách ước) tức là biết cai trị theo gậy thần. Nói là trị thủy mà người ta hiểu là trị nước sông, mà thực ra là có ý nói nước non. Huyền sử đã kết đúc công hiệu cùng cực của Gậy thần vào câu sau : Gậy thần có 9 đốt, ai biết cầm vào đốt thứ 5 thì coi sống chết như nhau. Đó là đợt cao nhất trong đường tu trì cũng như trong cuộc sống, ai thể nghiệm được điều đó : coi sống chết như nhau thì kẻ là thành tựu tối hậu : đạt cứu cánh con người, do đó cũng sẽ thành công trong việc nghĩa, trong việc cứu giúp tha nhân.

Nói kiểu siêu hình như sách Trung Dung thì biết cầm vào số 5 có nghĩa như « chí trung hòa » : có chí trung (số 5) mới có chí hòa (số 9). Mà hễ đã có chí hòa thì

tất dung nhiếp được cả hai đầu thái cực, khỏi chọn một bỏ một : chọn nhân loại phải bỏ gia đình mẹ cha, chọn quốc tế phải bỏ quốc gia dòng tộc...

Những điều nói trên đây về sống chết có hàm ngụ cả lời đáp cho câu hỏi về cứu cánh con người : con người sinh ra để làm chi ? Phải sống thế nào cho hợp đạo ? Thừa phải sống an vui : sống an vui sẽ chết an vui. Chết an vui sẽ hòa đồng cùng cái Toàn thể, đầu cội rễ muôn loài. Đó là hậu quả của cái biết chu tri gồm cả trong lẫn ngoài đầy đủ, nhưng chỉ đầy đủ cho những tâm hồn đã đạt độ an hành, chứ còn bên dưới thì non nhẽ nên phải già đòn, tức theo lợi hành hay cưỡng hành.

Vì vậy đừng quá lo lắng về hậu lai đến quên cái « ở đây và bây giờ ». Hãy lo sống tròn đầy viên mãn. Lối sống đó được biểu lộ bằng nhiều đồ án khác nhau nhưng tất cả đều diễn đạt đời sống tròn đầy. Những đồ án đó đều xuất phát từ Gậy thần cũng gọi là Cửu lạc. Đến Nho thì nó mang những tên Hồng phạm, Cửu trù, rồi Hà đồ, Lạc thư. Hồng phạm được dịch rất trùng là mẫu mực lớn, mà cũng có thể dịch là mẫu mực của họ Hồng Bàng, tức của tiên rồng hòa hợp. Hà Đồ Lạc Thư cần gắn bó lấy nhau để chỉ Bách Việt. Đó cũng là bọc trăm trứng của Mẹ Âu Cơ. Rồng là Hà Đồ với 55 trứng, tiên là Lạc Thư với 45. Rồng cha suy luận vòng vo, nên

Hà Đồ thành bởi nhiều vòng, còn tiên mẹ đi theo lối trực giác thấy thẳng, nên tất cả các số xếp thành một vòng duy nhất xoay quanh số 5, cộng chiều nào cũng đều được 15, tức 3 lần 5 nghĩa là chiều nào cũng đắc đạo, hàm ý rằng cai trị theo nguyên lý mẹ (nhỏ gọi là nhân chính) thì mọi người đều được tự do bình sản, còn theo lối thống trị thì chỉ được độ một phần tư có tự do, còn lại là nô lệ. Huyền sử nói Mẹ đẻ những trăm con mà con nào con nấy đều phương trưởng cả. Tục ngữ Việt Nam đã kiện chứng điều đó bằng câu :

Còn Mẹ ăn cơm với cá.

Hết Mẹ liếm lá gặm xương...

Trên đây là những bài học dàn ra cho mọi bước tiến của con người. Cuối cùng là bài học nhật tụng cho mọi nơi mọi phút, đó là Vòng Con Giáp.

Vòng Con Giáp là một bài ca vũ của Trời, Đất, Người nên nó bao la bàng bạc khắp không gian và thời gian để chỉ bất kỳ ở đâu và lúc nào con người cũng phải tuân theo như vậy, không thể li lìa dù một giây không gian là 12 con vật thuộc vòng địa chi. Thời gian là 10 cây gậy trời (thiên can). Địa chi nằm ngang. Gậy trời đứng dọc : ngược nhau như vậy mà vẫn hòa được vì cả hai đều vẫn xoay quanh con người. Đây là Con Người ngự giữa, không phải con người bé nhỏ vong thân, mà là

con người ở trung cung « Mậu Kỷ », con người chăm lo phát triển chí khí của mình, để có thể trở nên chí đại chí cương, thì sẽ đạt nhân chủ hùng cường, có thể nhân bản hóa các con vật chung quanh mình. Đó gọi là nhân hóa vật (alloplastically) khác với con vật tự biến đổi mình cách thụ động (autoplastically) theo môi sinh : ở bầu thì tròn ở ống thì dài. Con người vong thân cũng biến đổi theo lưu tục như vậy. Trái lại người nhân chủ sẽ biến đổi chung quanh theo tinh thần của mình. « Quân tử cư tắc hóa », làm cho mọi vật chung quanh quy tụ vào một mối, không để cho loạn xà ngầu thiếu thứ tự.

Đem bảng Hoàng Đạo đối chiếu với bảng Con Giáp sẽ thấy rõ Hoàng Đạo chỉ có một chiều. Đó là dấu tỏ triết học thiếu chữ hòa. Không thể có hòa vì chỉ có một vòng duy nhất thì hòa với ai ? Phải có hai vòng mới hòa được. Muốn có Thái Hòa thì phải có vòng trời vòng đất : vòng thiên can và vòng địa chi. Hòa 3 trời với 2 đất như hình con giáp chỉ rõ. Toàn vòng đều là con số $2/3$. Cứ hai « thiên can » trên thì dưới có 3 « địa chi », thí dụ trên là Giáp At thì dưới có Tí, Sửu, Dần; trên có Bính, Đinh thì dưới có Mão, Thìn, Tị... tức là Chí Hòa $2/3$ đi đến từng chi tiết : cả bốn mùa đều trên 2 Thiên can dưới 3 Địa chi như vậy.

Xem bảng con giáp ta đoán ra được cái triết lý toát ra từ đó. Đó phải là triết lý vui sống. Sống là năng động. Vui là hậu quả của hòa : có hòa mới có vui. Đây đúng là một nền triết lý đầy hoạt lực, một cuộc sống đầy an vui, một triết lý không chịu thờ thần chiến tranh, mà thờ các thần Mẹ đầy yêu thương lân tuất, cùng với đáng tối cao là Hóa Nhi Đa Hí Lộng để làm chủ tịch cuộc sống tròn đầy viên mãn.

Đó là kết quả của triết lý Thái Hòa, nó cung ứng cho tâm hồn một thứ hòa hợp cùng cực : văn hóa thì vắng bóng những vấn đề nhiều khi không thể giải quyết làm nảy sinh các chứng tâm bệnh, hoặc nhiều khi làm bùng nổ những cuộc thánh chiến còn tàn khốc hơn là những cuộc chiến không được thánh hóa. Đây chỉ có hòa, Thái Hòa với cuộc sống an vui đầy cầm, kỳ, thi, họa, rất nhiều thi họa và đã như vậy từ nhiều ngàn năm. Đôi khi cũng có những cuộc chiến tranh thì chỉ vì đất đai quyền lực chứ không hề có chiến tranh ý hệ như nay. Cho nên khi những người Đông Á từ bỏ văn hóa tổ tiên để đi rước Mácxít về là phạm một lỗi lầm cực kỳ trầm trọng gây tai họa thảm khốc không những cho toàn khối Đông Á mà còn làm thiệt cho nhân loại mất đi một nền văn hóa ơn ích hơn hết cho loài người.

PHỤ LỤC

1 - GIÁO SƯ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH

TỔNG HỢP CỦA VƯƠNG KỲ SƠN

I. TIỂU SỬ

15/6/15 : Sinh tại làng Trung Thành, tỉnh Nam Định, địa phận Bùi Chu

1937-1939 : Dạy La ngữ tại Tiểu chủng viện Ninh Cường, Bùi Chu

1939-1943 : Học Thần học tại Đại chủng viện Quân Phương, Bùi Chu

12/6/43 : Thụ phong Linh Mục

1943-1947 : Dạy Triết lý tại Đại chủng viện Quân Phương, Bùi Chu

1945-1947 : Biên soạn quyển DUY VẬT VÀ DUY THỰC (Materialism and Realism) phân tích những sai lầm nền tảng của chủ nghĩa cộng sản.

1947-1958 : Sợ bị cộng sản bắt thủ tiêu vì quyển sách vừa kê, địa phận Bùi Chu gửi Kim Định sang Pháp học

1947-1958 : học tại Institut des Hautes Etudes Chinoise, Paris.

II. DẠY HỌC, KHAI QUẠT VÀ HỆ THỐNG HÓA TRIẾT THUYẾT AN VI VÀ VIỆT NHO

1957-1961 : Dạy Triết học tại Đại Chung viện Lê Bảo Tịnh Sài Gòn

1961-1975 : Dạy Triết học tại Đại học Văn khoa, Sài Gòn

1969-1975 : Dạy tại Đại học Vạn Hạnh

1971-1975 : Dạy tại các Đại học : Đà Lạt, Minh Đức, Thành Nhân, An Giang. Năm 1975, đã nhận lời mời dạy tại Đại học Huế, nhưng chưa ra dạy được khóa nào thì tình hình chiến sự trở nên khốc liệt và cộng quân xâm chiếm miền Nam Việt Nam.

1984 : Tham dự Hội nghị Triết học Quốc Tế tại Đài Loan. Tham luận : « Vai trò Nho Giáo trong thế giới hôm nay ».

1987 : Tham dự Hội Nghị Quốc Tế Về Khổng Học Với Thế Giới Ngày Nay (International Symposium on Confucianism and The Modern World) tổ chức tại Đài

Bắc, Đài Loan. Tham luận : Đạo Trường Chung Cho Đông Nam A Châu (A Tao-Field For East Asia)

1988 : Tham dự hội nghị Triết học Thế Giới (The World Congress of Philosophy) Tại Brighton, Anh Quốc

1990 : Tham dự hội nghị Triết học Á Châu và Bắc Phi (The XXXIII International Conference on Asian and North African Studies) tại Toronto, Canada. Tham luận : « Tôn giáo và Ý hệ tại Việt Nam ».

12/5/1991 : Về hưu dưỡng tại nhà Mater Dei của Chi Dòng Đồng Công hải ngoại, Carthage, Missouri.
25/3/1997 : Từ trần tại đây.

III. TÁC PHẨM CỦA GIÁO SƯ KIM ĐỊNH

Sau đây là liệt kê các sách của Kim Định. Độc giả nào có sách, có thể đọc theo thứ tự như ghi dưới đây. Đó là thứ tự được viết ra, nhất là các sách đã xuất bản trước 30/4/75. Hầu hết sách không còn trên thị trường. Muốn có thư mục những sách xuất bản hay tái bản tại Hoa Kỳ, xin liên lạc với : Nhà xuất bản Thanh Niên Quốc Gia c/o : 531 Hamilton Ave, Milpitas, CA 95035, hoặc Tổ chức An Việt Houston, P.O.Box 610034, Houston, TX 77208.

A. XUẤT BẢN TRƯỚC 30/4/75

Dưới đây là bảng liệt kê các sách của Giáo sư Kim Định đã xuất bản tại miền Nam Việt Nam. Một vài quyển trong số này đã được các tổ chức văn hóa của các môn sinh cũ tái bản tại Hoa Kỳ.

CỬA KHÔNG

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC (H.T. Kelton, CA. Tái bản)

NHÂN BẢN (Thanh Niên Quốc Gia CA. Tái bản :
NHÂN CHỦ)

CĂN BẢN TRIẾT LÝ TRONG VĂN HÓA VIỆT
NAM (Nam Cung, CA. Tái bản : HỒN NƯỚC VỚI LỄ
GIA TIÊN)

CHỮ THỜI

VŨ TRỤ TÂM LINH

ĐỊNH HƯỚNG VĂN HỌC

DỊCH KINH LINH THỂ

NHỮNG DỊ BIỆT GIỮA HAI NỀN TRIẾT LÝ
ĐÔNG TÂY

HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC

TÂM TƯ

LẠC THƯ MINH TRIẾT

VIỆT LÝ TỔ NGUYÊN

TRIẾT LÝ CÁI ĐÌNH

VẤN ĐỀ QUỐC HỌC (H.T. Kelton, CA. Tái bản)

LOA THÀNH ĐỒ THUYẾT

CƠ CẤU VIỆT NHO

TINH HOA NGŨ ĐIỂN

NGUỒN GỐC VĂN HÓA VIỆT NAM (Dân Chúa,
LA. Tái bản)

B. XUẤT BẢN TẠI HOA KỲ

HOA KỲ VÀ THẾ CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU (Dân
Chúa, LA)

KINH HÙNG KHẢI TRIẾT (Thanh Niên Quốc Gia,
CA)

SỨ ĐIỆP TRÔNG ĐỒNG (Thanh Niên Quốc Gia,
CA)

VĂN LANG VŨ BỘ (H.T. Kelton, CA)

HÙNG VIỆT SỬ CA (Thăng Mỗ, CA)

PHO TƯỢNG ĐẸP NHẤT CỦA VIỆT TỘC (H.T. Kelton, CA)

HÙNG VIỆT (An Việt San Jose, CA, xuất bản; An Việt Houston, TX tái bản).

ĐẠO TRƯỜNG CHUNG CHO ĐÔNG Á (An Việt Houston, TX)

NHẬP MÔN TRIẾT VIỆT (An Việt Houston, TX)

GỐC RỄ TRIẾT VIỆT (An Việt Houston, TX)

CẨM NANG TRIẾT VIỆT (An Việt Houston, TX)

C. NHỮNG QUYỀN KHÁC

DUY VẬT VÀ DUY THỰC (xuất bản 1949-1947 tại Bắc Việt).

Về quyền này, tiểu sinh đã nghe từ lâu nhưng tìm không ra. Có lẽ sách không còn vì nhiều lẽ : In đã lâu? Việt Nam thời đó chưa đầy đủ phương tiện bảo vệ sách vở tài liệu trong khi đất nước lại chiến tranh binh lửa

liên miên ? Bị cộng sản « phản thư khanh nho » tịch thu và đốt đi ? v.v... Tháng 3, 1996, lên Carthage, Missouri thăm Giáo sư Kim Định đang hưu dưỡng tại Dòng Đồng Công, tiểu sinh quyết hỏi cho rõ về quyền này.

GS. Kim Định cho biết : « Thời gian đang dạy Triết ở trường Lý Đoán (Philosophy) Quân Phương [Bùi Chu, Bắc Việt, 1945-1947], dư [tôi] có viết nhiều bài [đăng báo] đả kích đến tận gốc rễ những sai lầm của chủ thuyết cộng sản. Sau một thời gian, ông Minh Châu--Chủ nhiệm báo Đường Sống--gom lại in thành quyển *Duy Vật và Duy Thực* ».

Về tên tác giả quyển sách thì nghe cũng ly kỳ : Phần vì thế nào cũng có một vài người góp ý hay sửa chữa; phần vì sợ cộng sản bắt... Giáo sư Kim Định kể tiếp : « Tác giả của sách được ghi là Tá Chung (có nghĩa là chúng ta) ».

Khi sách ra đời đã gây tiếng vang trong hàng ngũ chống cộng sản. Còn cộng sản thì vẫn theo bản chất cố hữu là rất căm thù. Vì sợ bị cộng sản bắt thủ tiêu nên Giáo phận Bùi Chu đã sắp xếp để tác giả du học tại Paris. Cuộc « du học » bất đắc dĩ này đã mở đầu cho con đường nghiên cứu và đóng góp cho Triết Học Việt Nam.

Theo GS. Kim Định kể thì một giới chức cao cấp của chính phủ [dường như là ông Trần Văn Lắm... } có ra phi trường Tân Sơn Nhất đón GS. Kim Định từ Paris hồi hương năm 1957. Vị này xin phép tác giả cho đăng lại quyền này trên báo Tinh Thần ở Miền Nam Tự Do Quốc Gia Chống Cộng.

TỰ CHIÊU MINH ĐỨC : hoàn tất cuối thập kỷ 1950, nhưng không xuất bản.

TÂM ĐẠO : quyền này đã biên soạn ở Việt Nam, nhưng chưa xuất bản.

TRIẾT LÝ HÒA GIẢI : đã hoàn tất và trao cho nhà xuất bản, rồi bị thất lạc khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản tháng 4, 1975.

HUYỀN SỬ NƯỚC VIỆT : Về quyền này, nhà xuất bản Thanh Niên Quốc Gia, California [khi tái bản quyền Nhân Chủ] có ghi ở ngoài bìa sau : « đang in dở dang vào tháng 4/1975 thì mất nước ».

Theo Linh mục Trần Công Nghị (trong cuộc điện đàm ngày 28/3/97) thì trong thời gian ở Nam California, GS. Kim Định đã viết thêm 4 quyền nữa và có nhờ Lm. Nghị tìm cách xuất bản nhưng chưa thực hiện được. Bốn quyền kể ra như sau :

THÁI BÌNH MINH TRIẾT I

THÁI BÌNH MINH TRIẾT II

THÁI BÌNH MINH TRIẾT III

CẨM NANG AN VI

Vẫn theo một số anh chị môn sinh và tổ chức An Việt nhân dịp về dự đám tang của Giáo sư Kim Định vừa qua, cho biết : còn một số quyển khác mà Giáo sư Kim Định đã viết ở hải ngoại, nhưng chưa xuất bản. Những di cảo này hiện do một số môn sinh hay người ái mộ lưu giữ :

PHONG THÁI AN VI

TRÙNG PHÙNG ĐẠO NỘI

TẬP TRANH NƯỚC VIỆT

2 - KIM ĐỊNH : GIÁO SƯ, TRIẾT GIA, HỌC GIẢ, NHÀ VĂN HÓA KHÔNG CÒN NỮA.

VƯƠNG KỲ SƠN

Bản tin gửi cho các cơ quan truyền thông : VOA, RFA, BBC và khoảng 20 đài TV, Radio và Báo chí Việt ngữ tại hải ngoại

I. TỪ TRẦN

Tin từ chi dòng Đồng Công hải ngoại tại Missouri vừa loan ra : Giáo sư Triết Gia Kim Định đã từ trần lúc 3 giờ sáng Thứ Ba, ngày 25 tháng 3 năm 1997, hưởng thọ 82 tuổi.

Kim Định là bút hiệu của Linh mục Lương Kim Định sinh năm 1915 tại Bùi Chu, Bắc Việt, đi du học tại Paris từ năm 1947. Tại Pháp, Linh mục Kim Định đã nghiên cứu rất nhiều về Triết học Tây Phương và nhất Triết học Đông Phương. Trở về miền Nam Việt Nam Tự Do năm 1957, ngài đã được mời dạy Triết Lý tại Đại Chung viện Lê Bảo Tịnh, rồi từ năm 1960, dạy Triết Đông tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Kế tiếp, ngài lần lượt được mời dạy tại hầu hết các Đại học miền Nam Việt Nam : Sài Gòn, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Minh Đức, Thành Nhân, An

Giang v.v... cho đến ngày miền Nam Việt Nam bị cộng sản xâm chiếm, tháng 4, 1975.

Trong thời gian giảng dạy tại các Đại học vừa kể, ngài đã khai quật và hệ-thống-hóa nền VIỆT TRIẾT tiềm ẩn trong kho tàng cổ học Việt Nam. Triết thuyết AN VI và VIỆT NHO ra đời tự đó. Các tác phẩm của ngài đã xuất bản tại Sài Gòn là 19 quyển, trong đó có những quyển được nhiều người biết đến, như Cửa Không, Triết Lý Giáo Dục, Định Hướng Văn Học, Chữ Thời, Nhân Chủ, Cơ Cấu Việt Nho v.v...

Từ ngày ra hải ngoại, ngài dồn hết thời giờ để nghiên cứu và viết sách, đã xuất bản được thêm 11 quyển, trong đó có các quyển nổi tiếng như Sứ Điệp Trống Đồng, Hùng Việt Sử Ca, Kinh Hùng Khải Triết v.v...

Con đường VIỆT TRIẾT do Giáo sư Kim Định tiên phong vạch ra hiện vẫn được các học giả, giáo sư, nhân sĩ và môn sinh tiếp nối trong cố gắng xây dựng nền Việt Học. Quyển CỬA KHÔNG, một tác phẩm quan trọng của ngài hiện đang được một nhóm học giả hiệu đính, do nhà xuất bản Lĩnh Nam tái bản, sẽ ra mắt cộng đồng Việt Nam hải ngoại vào tháng 6 tới đây dịp kỷ niệm 82 năm sinh tiền của giáo sư Kim Định.

II. LỄ AN TÁNG

Lễ an táng Giáo sư Kim Định đã diễn ra tại thành phố Springfield, Missouri, cách Chi Dòng Đồng Công hải ngoại khoảng 60 dặm, được tổ chức vào lúc 3 giờ chiều Thứ Ba, ngày 1/4/97. Nghi thức di quan tại nhà quản Lohmeyer do Linh mục Nhạc sư Ngô Duy Linh chủ sự.

Lễ an táng theo nghi thức Công Giáo đã được cử hành long trọng tại Vương Cung Thánh Đường Saint Agnes, địa phận Springfield, Missouri vào chiều Thứ Ba, ngày 01/4/97. Đã có rất nhiều Linh mục, Tu sĩ nam nữ, giáo dân, thân bằng quyến thuộc cùng môn sinh tề tựu tại tiền đình của Vương Cung Thánh Đường để đón quan tài của ngài được di chuyển từ nhà quản tới.

Tham dự đáng tang của Giáo sư Kim Định, phần lớn là các linh mục và sư huynh thuộc Dòng Đồng

Công, một phần là cựu môn sinh của Giáo sư Kim Định, mà nay đã thành danh như Linh mục Nhạc sư Ngô Duy Linh, các linh mục Vũ Hân, Phạm Quang Thúy... một phần khác là các cháu, là đồng hương Bùi Chu, và là môn sinh hay những người ái mộ trong đó có những người thuộc tổ chức An Việt do Giáo sư Kim Định sáng lập.

Thánh lễ an táng theo do Linh mục Giám Tỉnh của Chi Dòng Đồng Công chủ tế cùng với 30 Linh mục, trong đó có một số Linh mục là môn sinh hay ái mộ đến từ những tiểu bang khác.

Linh mục Trần Cao Tường từ New Orleans được mời giảng thuyết, có nhắc tới con đường mà Giáo sư Kim Định đã tìm ra cùng sứ mệnh của những người còn tha thiết với tiền đồ dân tộc không thể không tiếp nối con đường phụng sự đất nước mà Giáo sư Kim Định đã đi tiên phong.

Linh mục Tường trưng dẫn lời của Giáo sư Kim Định, nói :

Trước đây khi còn ở quốc nội, các tôn giáo, các đoàn thể... lo cho tôn giáo của mình, lo cho đoàn thể của mình... và việc nước để cho nhà cầm quyền lo. Nhưng bây giờ nhà cầm quyền không còn, mà nếu các tôn giáo, các đoàn thể vẫn giữ kiểu ngày xưa là không ngó ngàng gì đến việc nước, việc chung thì thật là một việc khó có thể hiểu được. Đành rằng trong giai đoạn đầu chạy ra nước ngoài, mọi người dồn sức lực để ổn định cuộc sống, đóng góp để gây dựng cơ sở sinh hoạt cho tôn giáo của mình, nhưng những tư tưởng và nếp sinh hoạt ấy có được phép kéo dài bất tận chăng ?

Trong buổi lễ, một số đại diện tang gia, môn sinh v.v... cũng đã được mời lên để ngỏ lời cảm ơn. (Xin xem bài phát biểu của Vương Kỳ Sơn, đại diện môn sinh AN VI & VIỆT NHO, đính kèm.)

Nghi thức tôn giáo cuối cùng tại nghĩa trang do Linh mục Phạm Quang Thúy, Trưởng tổ chức An Việt, chủ sự.

Giáo sư Kim Định yên nghỉ tại nghĩa trang Resurrection tại Springfield, Missouri. Ngôi mộ của ngài nằm gần cạnh một số vị bằng hữu có lai lịch trong học giới Việt Nam, như Linh mục Lê Văn Lý (cựu Viện Trưởng viện đại học Đà Lạt), Linh mục Cao Văn Luận (cựu Viện Trưởng viện đại học Huế) v.v...

3 - KIM ĐỊNH : HUYỀN SỬ, ẨN DỤ, NGŨ NGÔN, CƠ SỞ

Bài cảm ơn của VƯƠNG KỲ SƠN

Đại diện môn sinh AN VI & VIỆT NHO (thuộc các trường Đại học Văn khoa : Sài Gòn, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Minh Đức, Thành Nhân, Cần Thơ và An Giang).

Kính thưa quý Cha, quý Tu sĩ nam nữ, quý ông bà và anh chị :

Con thay mặt cho các anh chị em môn sinh AN VI và VIỆT NHO (1) (thuộc các trường Đại học Văn

Khoa Sài Gòn, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Minh Đức, Thành Nhân, Cần Thơ và An Giang, thời Việt Nam Cộng Hòa) xin được có đôi lời cảm ơn quý ân nhân và đôi lời cảm ơn Thầy Kim Định của chúng con.

Kính thưa Thầy :

Trước hết, chúng con xin dâng lên những bậc sinh thành của Thầy, đặc biệt là hiền mẫu của Thầy mà mỗi lần nhắc tới, mặc dầu khi Thầy đã bảy tám mươi tuổi, Thầy vẫn nhớ thương công dưỡng dục của người với hai hàng lệ rơi. Thầy kể rằng ông cụ thân sinh ra Thầy đã lìa đời khi Thầy mới được một tháng (2). Hiền mẫu

của Thầy đã phải « lận đận » (3) đóng trọn cả ba vai : vai hiền mẫu, vai thầy dạy, và vai người cha rường cột trong gia đình. Thầy kể : Hiền mẫu mua giấy cho Thầy bắt đầu tập viết thì Thầy lấy phát điều; Hiền mẫu trồng được luống rau bằng cái chiếu thì Thầy chạy nhảy thế nào mà ngã vào trong đó làm nát hết tất cả. Mẹ Thầy bảo : Tội của con như vậy thì đáng bao nhiêu roi. Thầy bảo : Đáng 300 roi. Bây giờ mẹ đánh 100 roi còn 200 roi cho khát nhá ? Vâng. (Nhưng thực ra thì Thầy không bị roi nào cả vì bà cụ rất thương Thầy là con út).

Rồi theo năm tháng lớn lên, như bà mẹ của Mạnh Tử ba lần tìm nơi ở tốt lành cho con (4), hiền mẫu của Thầy cũng đã phải tìm nơi để gửi gắm con mình. Và bà cụ đã gửi Thầy vào Chung viện mà bà cụ tin tưởng rằng đó là một lò đào tạo kỹ lưỡng về đạo đức và học vấn. Chắc vì tính trẻ ham chơi, chưa quen hơi bén nết nơi lạ nên Thầy đã phản đối tiêu cực bằng cách ra sân đứng dưới gốc cây sung quay về quê khóc... Sự nhớ nhà cũng chóng qua và dần dần người thiếu niên Lương Kim Định miệt mài học tập. Thầy đã được rèn luyện kỹ lưỡng cộng với đặc tính ham thích tìm tòi tự học thêm Chữ Nho, Pháp Văn (6)... Về việc học chữ Nho, thầy kể : Ông giáo vào lớp mới viết được mấy chữ, cắt nghĩa và bảo học sinh ghi chép lại... thì có học sinh đã hỏi : «Thưa thầy, vậy thì hôm ấy ông Khổng Minh có liệu đủ

một vạn mũi tên không ». Thế là ông thầy chữ Nho lại phải kể chuyện Tam Quốc cho học sinh nghe.

Tới đây, kính thưa quý Cha, quý vị thuộc địa phận Bùi Chu, chúng con xin dâng lời cảm ơn Giáo phận Bùi Chu đã hy sinh bao hăng tâm, hăng sản để vun tưới và gây dựng cho Thầy, nhất là việc gửi Thầy đi Pháp (7) để từ đó, Thầy bước vào quỹ đạo của không gian rộng lớn, bước vào tận nguồn mạch của tư tưởng Tây Phương mở đầu con đường nghiên cứu, tranh luận với các tư tưởng gia Tây phương để trở về khai quật và hệ thống hóa nền VIỆT TRIẾT (8) tiềm ẩn trong kho tàng cổ học: Huyền sử, Ẩn dụ, Ngụ ngôn, Cơ số (hay : Từ, Tượng, Số, Ché)... mà học giới bây giờ cũng như ba bốn mươi năm trước vẫn xưng tụng Thầy là một kiện tướng, tiên phong, đơn độc, bền bỉ thám quật không mệt mỏi.

Kính thưa quý vị,

Xưa đức Khổng Tử có 3000 đệ tử (9) trong đó có mười vị cao đệ gọi là thập triết (10). Các vị Thập triết sau đó đã quảng diễn rộng rãi và sâu xa những giáo huấn của đức Khổng để truyền muôn thế hệ đến nay và mãi mãi về sau. Còn chính khi Khổng Tử qua đời thì hầu hết mọi người nghĩ rằng : một ông già cảm cảnh vừa lìa cõi đời thất bại.

Thầy bảo rằng, khi còn tại Paris, học giới tặng cho Thầy danh hiệu là Petit Confucius, (Little Confucius), thì hôm nay, Thầy cũng đã nằm xuống trong khi chưa nhìn thấy dấu hiệu Triết thuyết AN VI & VIỆT NHO của Thầy được quảng diễn và phổ biến.

Trọn suốt cuộc đời dạy học, chắc hẳn Thầy cũng đã đào tạo ra khoảng 3000 đệ tử--cùng rất nhiều người ái mộ. Các đệ tử của Thầy thuộc nhiều các ngành : Từ những Linh Mục đạo cao đức trọng đến những học giả có lai lịch trong học giới mà hiện diện tại Vương Cung Thánh Đường này có các vị như : Linh mục Nhạc Sư Ngô Duy Linh, Linh mục Chính xứ Vũ Hân, Linh mục Phạm Quang Thúy, Linh mục Trần Cao Tường v.v... cùng những vị vì hoàn cảnh không thể tới dự lễ an táng hôm nay được, như Linh mục Tiến sĩ

Vũ Đình Trác (CA), Linh mục Dòng Tên Tiến sĩ Đỗ Quang Chính (VN), Đức ông Mai Thanh Lương (LA), Linh mục Nguyễn Thanh Long (Washington, D.C), Linh mục Vũ Khánh Tường (đã bị cộng sản giết ở Việt Nam sau 30/4/75) v.v...

Nhưng những môn sinh về đảng chủ đạo AN VI & VIỆT NHO (11) của Thầy, thì thật là khó xác định, như xưa các đệ tử của đức Khổng than với nhau : «Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên tại hậu » (Đạo lý của Phu tử vừa mới

hé thấy đằng trước thoát chốc biến ra đằng sau), nghĩa là tinh thần vẫn lúc mạnh lúc yếu, lúc có lúc không... hay nói như Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: «Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi; Trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong; Hạ sĩ văn đạo, đại tiểu chi» (tạm dịch : Những bậc cao thượng khi nghe về đạo thì cần mẫn thực hành; Những người hạng trung khi nghe về đạo thì lúc còn lúc mất, lúc nhớ lúc quên; Những kẻ hạng thấp khi nghe về đạo thì lớn tiếng cười) (13). Môn sinh chúng con ở hạng nào thật khó mà xác định ? Vậy sự từ giã cõi đời của Thầy hôm nay có phải là một nhắc nhở thiết tha, có phải là một cảnh giác uy nghiêm, có phải là một thách đố cam go cho chúng con không trước những lời giáo huấn của Thầy, những lý tưởng mà Thầy đã vạch ra hiến dâng cho Dân Tộc Việt, cho thế giới ? .. Nhưng chúng con vững tin rằng : Lý tưởng của Thầy đã vạch ra chắc chắn sẽ được nhiều học giả cộng tác phát huy.

Tiếng tăm của Thầy vang dội trong học giới và được mọi người kính nể như một ngôi sao sáng trên nền trời Đại học Việt Nam suốt 15 năm (14). Nhưng nào có ai biết được những nổi cảm cảnh của Thầy, như :

- Ba bốn năm đầu Thầy chỉ được nhận dạy ăn lương giờ vì lúc ấy Triết Đông chưa được thừa nhận chính

thức trong đại học;

- Tiền xuất bản sách không đủ thuê xe xích lô đi dạy học;

- Từ trường trở về nhà sau bao nhiêu giờ phải nói khan cả cổ, Thầy thường bảo người phu xích lô ngừng lại một quán nước mía bên đường để Thầy uống một ly cho vui sự mệt nhọc;

- Khi Học viện Lê Bảo Tịnh (số 2 đường Làng 21, Gia Định, sau đổi là số 2 Hoàng Hoa Thám) sát nhập vào địa phận Sài Gòn (15) thì Thầy bơ vơ không có chỗ trú ngụ vì sở học của Thầy không cho phép Thầy đi coi xứ đạo, đến nỗi Linh mục Trần Văn Hiến Minh phải thúc dục Linh mục Vũ Khánh Tường (16) rằng : Cậu là học trò ráng thu xếp nơi ăn chốn ở để ông Thầy (Kim Định) tiếp tục góp mặt với đời trong lãnh vực tư tưởng (17) v.v...

Và sau cùng, nhưng rất quan trọng, kính thưa cha Giám Tỉnh, kính thưa quý cha và quý sư huynh thuộc Chi Dòng Đồng Công Hải Ngoại : Thay mặt cho các môn sinh AN VI & VIỆT NHO, chúng con xin chân thành cảm ơn Chi Dòng Đồng Công Hải Ngoại đã ghé vai nhận lấy trách nhiệm giúp đỡ Thầy của chúng con trong những ngày dưỡng bệnh tại đây, suốt gần 6 năm

trời (18). Các Cha các Sư huynh đã nhận lấy một công việc mà rất nhiều người chúng con thúc thủ buông xuôi, không ai làm nổi. Và trong suốt mấy ngày qua, quý cha quý sư huynh đã bỏ ra bao nhiêu thời giờ đưa đón anh chị em chúng con tề tựu về đây giữa vùng quê hẻo lánh này, cung cấp nơi ăn chốn ở chan chứa tình người... Những nghĩa cử ấy, chúng con xin ghi khắc trong tâm khảm. Giờ đây, chúng con chỉ biết nguyện Chúa và Mẹ Maria trả công bội hậu cho quý Giáo Sĩ và Sư Huynh.

Kính thưa Thầy,

Xin Thầy an nghỉ bình an trong tay Chúa nhân lành, trong tay Mẹ Maria từ ái, và nhất là trong tay hiền mẫu của Thầy, một người « mẹ già một nắng hai sương mỗi mòn » chờ chờ đợi bước chân thiên lý của Thầy ra đi « nặng tình vì nước non », nay đã trở về (19).

Xin vĩnh biệt Thầy,

Xin cảm ơn và kính chào toàn thể quý Cha và quý vị.

VƯƠNG KỲ SƠN

CHÚ THÍCH

(1) Thầy Kim Định có rất nhiều môn sinh vì Thầy đã dạy nhiều nơi nhiều cấp :

- Các Chủng sinh của Tiểu Chủng viện (trung học) Ninh Cường, Bùi Chu.

- Các thầy Lý Đoán (Philosophy) của Đại Chủng viện Quần Phương, Bùi Chu.

- Các thầy Lý Đoán và Thần Học (Philosophy và Theology) của Đại Chủng viện Thánh Thomas và Học viện Lê Bảo Tịnh, Gia Định.

- Sinh viên AN VI & VIỆT NHO tại các trường Đại học Văn Khoa : Sài Gòn, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Minh Đức, Thành Nhân, Cần Thơ, An Giang (miền Nam Việt Nam, 1960-1975).

(2) Lời Thầy Kim Định kể trong dịp Linh mục Phạm Quang Thúy và Anh Vương Kỳ Sơn thăm viếng ngài từ 2-6/ 3/96.

(3) Thơ Hồ Zêngh trong tập Quê Ngoại :

*Cô gái Việt Nam ơi !
Tự thuở sơ sinh lận đận rồi
Tôi biết lòng cô u uất lắm
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.*

...

*Cô gái Việt Nam ơi !
Nếu chữ hy sinh có ở đời,
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực,
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.*

(4) Họ tên thầy Mạnh Tử là Mạnh Kha, tên chữ là Tử Dư, sinh năm 372 BC., người nước Lỗ, mồ côi cha từ khi lên 4 tuổi. Mạnh mẫu (mẹ thầy Mạnh Tử) ba lần thay đổi chỗ ở vì không muốn cho con mình nhiễm những tính hư tật xấu của người chung quanh, mà nhất quyết muốn cho Mạnh Tử nên người. Lần thứ nhất : vì nhà nghèo dọn đến ở xóm nhà đồ (lò sát sinh súc vật); lần thứ nhì di chuyển khỏi xóm nhà đồ đến ở xóm đồ mã (những người lo chôn cất người chết); lần thứ ba di chuyển khỏi xóm nhà đồ mã đến ở gần một trường học. Ở cạnh trường học, Mạnh Tử bắt chước học Nhân, học Nghĩa, học Lễ... rồi sau này trở thành vĩ đại được đời xưng tụng là « Á Thánh Mạnh Tử » (Sào Nam Phan Bội Châu : Không Học Đẳng, Khai Trí, Sài Gòn, 1973,

tr.410)

(5) Vốn liếng chữ Nho của Thầy Kim Định--cũng như nhiều kiến thức khác, nhất Triết Đông--phần lớn là do tự học và tự học.

(6) Thầy Kim Định tự trau dồi Pháp ngữ bằng một phương pháp riêng và thực hành đúng nguyên tắc hơn nhiều người Pháp. Vẫn theo Thầy kể : Rất nhiều người Pháp không hề viết đúng văn phạm tiếng Pháp vì tiếng Pháp có rất nhiều mẹo luật phức tạp, tỉ mỉ và cũng rất vô lý. Ví dụ : Tôi có ba cái hoa hồng đỏ, thì tiếng Anh sẽ nói là : I have three red roses, trong khi tiếng Pháp viết : J'ai trois roses rouges... với một chuỗi chữ s thêm vào chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ làm khổ cho người học, làm phí phạm thời giờ mà đáng lẽ ra phải dành cái thời giờ quý báu của tuổi trẻ để học về đạo làm người, học về yêu thương, học để vun tưới tình người v.v...

Về điểm này, Thầy cũng nói : Tiếng Việt vốn dễ học, nhưng hiện đang bị một số người làm cho trở thành khó khăn rắc rối...

(7) Cư sở tại số 21 Beaurepaire, Paris, một căn nhà của địa phận Bùi Chu, làm nơi ăn chốn ở cho các du học sinh do địa phận gửi đi du học, trong đó có những người đã trở thành lầy lùnh như Nhạc sư Hải Linh, Linh

mục Nhạc sư Ngô Duy Linh v.v... Thầy Kim Định vừa đi học, vừa trông coi toàn thể các du học sinh do địa phận Bùi Chu gửi sang. Có nhiều sinh viên Việt Nam ở ngoài cũng hay đến cư sở này để thăm viếng, để nói chuyện, để xin chỉ dẫn v.v...

(8) Việt Nam có triết học không ? Đó là câu hỏi mà người Tây Phương thường hỏi người Việt Nam. Cho đến lúc đó, chưa có ai dám xác nhận là Việt Nam có triết học. Ngay cả những nước lớn như Trung Hoa và Ấn Độ còn chưa chắc có triết học. Đó là nhìn theo quan điểm của Tây Phương. Sau nhờ sự tranh đấu của hai học giả, đồng thời là giáo sư Đại học Văn Khoa : GS. Nguyễn Đăng Thục và LM.GS. Bửu Dưỡng, Triết Đông mới được xếp 12 giờ một tuần (trong khi Triết Tây những 48 giờ). GS. Kim Định một mặt vẫn dạy Triết Đông (Trung Hoa) theo chương trình Giáo khoa, và một mặt khai quật và hệ thống hóa nền VIỆT TRIẾT tiềm ẩn trong kho tàng cổ học Việt Nam qua Huyền sử, Ấn dụ, Ngụ ngôn, Cơ số (hoặc Từ, Tượng, Số, Chế...) tạo thành bầu khí sinh động trong đại học và vang dội ra ngoài bốn bức tường của hàn lâm.

(9) Sao Nam Phan Bội Châu : Khổng Học Đăng, tr.14.

(10) Thập Triết của đức Khổng Tử : a/ Khoa đức hạnh có : Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiệm Bá Ngưu, Trọng Cung; b/ Khoa ngôn ngữ : Tề Ngã, Tử Cống; c/ Khoa chính trị : Nhiệm Hữu, Quý Lộ; d/ Khoa văn học: Tử Dư, Tử Hạ (Phan Bội Châu : Khổng Học Đăng, tr.14)

(11) AN VI là một triết lý hành vi, một đạo sống giúp vừa tu thân, vừa chu toàn nghĩa vụ thường nhật, mà lại vừa dấn thân vào đời một cách rất an nhiên tự tại; nghĩa là có cả Hành cả Tàng, cả Nội thánh lẫn Ngoại vương...

VIỆT NHO không phải là Việt-Nam-hóa Nho Giáo (như kiểu Việt-Nam-hóa Phật Giáo đời Lý đời Trần nước ta, cũng không phải như kiểu Hán-hóa Nho Giáo tức biến Nho Giáo trở thành công cụ phục vụ vương quyền chuyên chế nhà Hán v.v...), mà VIỆT NHO chính là NHO GIÁO NGUYÊN THỦY, một nền truyền thống tâm linh đã có từ lâu đời và đến thời Xuân Thu thì Khổng Tử khai thác, làm trào vọt lên dòng suối tươi mát trước cảm quan của thời đại...

(12) Luận Ngữ, chương IX, câu 10.

(13) Lão Tử : Đạo Đức Kinh, chương XLI, bản Việt ngữ của Hạo Nhiên Nghiêm Toản, quyển II, trang 40.

(14) GS. Kim Định dạy từ 1960 đến ngày miền Nam Việt Nam bị cộng sản cưỡng chiếm ngày 30/4/75. Đầu tiên Thầy Kim Định dạy tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Từ đó, tiếng vang ngân xa, đại học Vạn Hạnh mời, rồi các đại học khác mời. Sau cùng đã lan tỏa khắp miền Nam Việt Nam Tự Do. Đến năm 1975, GS. Kim Định cũng đã nhận lời dạy tại Đại học Huế, nhưng chưa dạy khóa nào thì tình hình chiến sự trở nên khốc liệt, rồi miền Nam sụp đổ...

(15) Năm 1954, địa phận Bùi Chu đã di cư nguyên cả một Đại Chung viện vào Sài Gòn, với một cơ sở rất lớn ở số 2 Đường Làng 21, Gia Định, tức Đại Chung viện Thánh Thomas, sau đổi thành Học viện Lê Bảo Tịnh. Đến khoảng đầu thập kỷ 1960 thì lệnh của Giáo quyền miền Nam ban ra : Các Chung viện từ ngoài Bắc (Hà Nội, Bùi Chu, Phát Diệm, Thanh Hóa...) di cư vào Nam phải sát nhập vào các Giáo phận miền Nam Việt Nam. Học viện Lê Bảo Tịnh đóng cửa.

(16) Lm. Vũ Khánh Tường, trước là Hiệu trưởng trường Nguyễn Bá Tòng, sau về Ngã Tư Bảy Hiền lập cơ sở cho Tu Hội (trường học, ký túc xá, nhận tu sinh v.v...) lấy tên là Tu hội Đắc Lộ. Cơ sở đồ sộ này thành được là do một bàn tay của LM. Vũ Khánh Tường. Cơ sở này khác với Trung Tâm Đắc Lộ của Dòng Tên ở Sài

Gòn.

(17) Đang tiến hành xây dựng Việt Triết, và danh tiếng bắt đầu vang dậy.

(18) Về nhà Hưu Dưỡng « Mater Dei » của Chi Dòng Đồng Công hải ngoại tại Carthage, Missouri ngày 12/5/91, từ trần ngày 25/3/97.

(19) Lấy ý từ một bài hát cũ « ... Mẹ già một nắng hai sương mỗi mòn... Con đi đem bao nhiêu tình thương, bao nhiêu niềm nhớ, Mẹ có hay cho lòng con... Nặng tình vì nước non...»